

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2023 - 2024**

MÔN NGỮ VĂN

A – PHẦN VĂN HỌC :

CHÚ Ý VÀO CÁC VĂN BẢN CHIA THEO CHỦ ĐỀ

I. Chủ đề 6: Chuyện kể về những người anh hùng

1. Thánh Gióng
2. Sơn Tinh, Thủy Tinh
3. Ai ơi mùng 9 tháng 4 (Anh Thư)

II. Chủ đề 7: Thế giới cổ tích

1. Thạch Sanh
2. Cây khế
3. Vua chích chòe

III. Chủ đề 8: Khác biệt và gần gũi

1. Xem người ta kìa (Lạc Thanh)
2. Hai loại khác biệt (Giọng -mi Mun)
3. Bài tập làm văn (Rơ -nê Gô- xi -nhi và Giảng – giấc Xăng -pê)

IV. Chủ đề 9: Trái Đất – ngôi nhà chung

1. Trái Đất – cái nôi của sự sống (Hồ Thanh Trang)
2. Các loài chung sống với nhau như thế nào ? (Ngọc Phú)
3. Trái Đất (Ra – xun Gam – da- tốp)

LƯU Ý:

- Nắm vững khái niệm, đặc điểm của truyện truyền thuyết, cổ tích, văn bản nghị luận.
- Nhận diện được các phương thức biểu đạt.
- Nhận diện được ngôi kể, các yếu tố tưởng tượng, kì ảo, nhân vật chính (*đối với thể loại truyện truyền thuyết*), nhân vật chính diện, phản diện (*đối với truyện cổ tích*).
- Biết xác định được nội dung chính của văn bản.
- Rút ra ý nghĩa, bài học từ nội dung của văn bản.
- Nhận ra được ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong văn bản đối với suy nghĩ, tình cảm của bản thân trong văn bản nghị luận.
- Viết đoạn văn: cảm nhận được về nhân vật, chi tiết – hình ảnh đặc sắc trong mỗi văn bản có sử dụng biện pháp nghệ thuật tu từ, - Bài học liên hệ rút ra cho bản thân từ ngữ liệu.
- Học sinh đọc tham khảo thêm những câu chuyện truyền thuyết, cổ tích, những văn bản nghị luận.
- Đề thi sẽ là ngữ liệu bên ngoài SGK.

B – PHẦN TIẾNG VIỆT :

I. Cấu tạo của từ

Hoàn thành bảng hệ thống kiến thức theo mẫu sau – vận dụng trong viết đoạn – bài văn.

Đơn vị kiến thức	Khái niệm	Phân loại (nếu có)	Ví dụ
1. Từ đơn			
2. Từ ghép			
3. Từ láy			

II. Nghĩa của từ

- HS nắm được khái niệm, cách giải thích nghĩa của từ và vận dụng thực hành.
- Hiểu thế nào là từ đồng âm, phân biệt từ đồng âm và từ đa nghĩa.

III. Biện pháp nghệ thuật tu từ

Hoàn thành bảng hệ thống kiến thức theo mẫu sau – vận dụng trong viết đoạn – bài văn.

Đơn vị kiến thức	Khái niệm	Phân loại (nếu có)	Ví dụ
1. So sánh			
2. Nhân hóa			
3. Ẩn dụ			
4. Điệp ngữ			
5. Hoán dụ			

IV. Cụm từ:

Học sinh nắm được khái niệm, cấu tạo của cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ và biết xác định cụm từ trong một đoạn văn.

V. Dấu câu:

Học sinh nắm được công dụng của các loại dấu: dấu ngoặc kép, dấu chấm phẩy, dấu gạch ngang

VI. Một số kiến thức Tiếng Việt khác:

- Trạng ngữ.
- Lựa chọn từ ngữ.
- Văn bản và đoạn văn
- Từ mượn

C – PHẦN TẬP LÀM VĂN :

- Viết bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện
- Viết bài văn đóng vai nhân vật kể lại một truyền thuyết hoặc truyện cổ tích.
- Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm.

D – MỘT SỐ ĐỀ LUYỆN TẬP:

ĐỀ 1: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

Những con sao biển

“Đó là một sớm đẹp trời, những tia nắng đầu tiên của bình minh đang dần ló dạng. Một nhà triết học nọ đang dạo bước quanh bờ biển tận hưởng không khí trong lành. Ông chợt để ý từ phía xa có một thanh niên đang loay hoay làm gì đấy. Tò mò, ông bước đến gần hơn thì nhận ra chàng trai kia đang nhặt lên một vật gì rồi ném về phía những con sóng.

“Câu đang làm gì đấy?” – Nhà triết học chào chàng trai và hỏi

“Cháu đưa những con sao biển về với đại dương” – Chàng trai trả lời – “Mặt trời sắp lên và sóng đang rút xuống, nếu cháu không đưa chúng về biển, chúng sẽ chết mất thôi.”

“Nhưng chàng trai trẻ...” – Nhà triết học nói – “Cháu không thấy là bờ biển này dài cả hàng trăm hàng ngàn dặm, và có cả triệu con sao biển dọc theo đấy sao? Cháu có giúp bao nhiêu con đi nữa cũng chẳng khác biệt gì đâu!”

Chàng trai lắng nghe một cách lịch sự, sau đó lại cúi xuống và nhặt một con sao biển khác, ném về phía đại dương.

“Ông thấy đấy” – chàng trai cười nói với nhà triết học – “Cháu vừa tạo ra sự khác biệt với con sao biển đó”.

(Theo “The Star Thrower” Loren Eiseley)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản trên là gì?

Câu 2. “*Những con sao biển*” được kể theo ngôi thứ mấy? Dựa vào đâu mà em biết được điều đó?

Câu 3. Xác định trạng ngữ trong câu văn sau và cho biết đó là loại trạng ngữ nào: “*Tò mò, ông bước đến gần hơn thì nhận ra chàng trai kia đang nhặt lên một vật gì rồi ném về phía những con sóng.*”

Câu 4. Theo em, thông điệp mà câu chuyện trên muốn gửi đến chúng ta là gì?

Câu 5. Cuộc sống vốn là thế giới đa dạng, phong phú, đầy màu sắc và mỗi người là một cá thể độc lập với những quan điểm sống khác nhau. Vậy khó có thể bắt người khác giống mình về sở thích, thói quen, tính cách... Điều quan trọng là mỗi người phải biết chấp nhận và tôn trọng sự khác biệt của người khác. Hãy viết một bài văn với chủ đề “*Hãy tôn trọng sự khác biệt*”.

ĐỀ 2 : Đọc văn bản sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

Trên mạng xã hội, mỗi người là một ông bầu của chính mình trong cuộc xây dựng cho mình một hình ảnh cá nhân. Chúng ta đã trở nên kỳ quặc mà không hề biết. Hãy hình dung cách đây mười năm, trong một buổi họp lớp, một người bỗng nhiên liên tiếp quăng ảnh con cái, ảnh dã ngoại công ty, ảnh con mèo, ảnh bữa nhậu, ảnh lái ô tô, ảnh hai bàn chân mình, ảnh mình trong buồng tắm lên bàn – chắc hẳn người đó sẽ nhận được những ánh mắt ái ngại [...]

Chiếc smartphone đã trở thành một ô cửa nhỏ dẫn người ta thoát khỏi sự buồn chán của bản thân, và cái rung nhẹ báo tin có thông báo mới của nó bao giờ cũng đầy hứa hẹn. Nhưng càng kết nối, càng online, thì cái đám đông rộn ràng kia lại càng làm chúng ta cô đơn hơn. Chỗ này một cái like, chỗ kia một cái mặt cười, khắp nơi là những câu nói cụt lủn, phần lớn các tương tác trên mạng hời hợt và vội vã. Càng bận rộn để giao tiếp nhiều thì chúng ta lại càng không có gì để nói trong mỗi giao tiếp. Ngược với cảm giác đây đây, được bồi đắp khi chúng ta đứng trước thiên nhiên hay một tác phẩm nghệ thuật lớn, trên mạng xã hội ta bị xáo trộn, bứt rứt, và ghen tị với cuộc sống của người khác như một người đói khát nhìn một bữa tiệc linh đình qua cửa sổ mà không thể bỏ đi. Đêm khuya, khi các chấm xanh trên danh sách friend dần dần tắt, người ta cuộn lên cuộn xuống cái news feed để hòng tìm một status bị bỏ sót, một cứu rỗi kéo dài vài giây, một cái nhìn qua lỗ khóa vào cuộc sống của một người xa lạ, để làm tê liệt cảm giác trống rỗng.

(Trích “*Bức xúc không làm ta vô can*”, Đặng Hoàng Giang, tr.76 – 77, NXB Hội Nhà văn, 2016)

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì ?

Câu 2: Trong câu “*Trên mạng xã hội, mỗi người là một ông bầu của chính mình trong cuộc xây dựng cho mình một hình ảnh cá nhân*”. Cụm từ “*trên mạng xã hội*” là trạng ngữ chỉ ý nghĩa gì?

Câu 3: Nêu nội dung chính của đoạn trích trên.

Câu 4: Từ “*cụt lủn*” trong câu “*Chỗ này một cái like, chỗ kia một cái mặt cười, khắp nơi là những câu nói cụt lủn, phần lớn các tương tác trên mạng hời hợt và vội vã*” có nghĩa là gì ?

Câu 5: Tìm và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong câu văn sau: *Hãy hình dung cách đây mười năm, trong một buổi họp lớp, một người bỗng nhiên liên tiếp quăng ảnh con cái, ảnh dã ngoại công ty, ảnh con mèo, ảnh bữa nhậu, ảnh lái ô tô, ảnh hai bàn chân mình, ảnh mình trong buồng tắm lên bàn – chắc hẳn người đó sẽ nhận được những ánh mắt ái ngại [...]*

Câu 6: Em có đồng tình với ý kiến “*Chiếc smartphone đã trở thành một ô cửa nhỏ dẫn người ta thoát khỏi sự buồn chán của bản thân, và cái rung nhẹ báo tin có thông báo mới của nó bao giờ cũng đầy hứa hẹn*” không? Vì sao?

Câu 7: Hãy rút ra bài học mà em tâm đắc nhất sau khi đọc văn bản trên.

Câu 8: Game online hay trò chơi điện tử là phương thức giải trí sau mỗi giờ học căng thẳng xong lại bị các bạn trẻ lạm dụng. Em hãy viết một bài văn nêu suy nghĩ của em về hiện tượng nghiện game của các bạn trẻ ngày nay.

ĐỀ 3

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

“*Bạn đã bao giờ cười chê một người có khiếm khuyết chưa? Bất cứ ai được hỏi như thế, hẳn chẳng dám trả lời rằng chưa. Chê bai người khác là một nhược điểm phổ biến trong tính cách con người. Tuy nhiên, đây không phải là điều quá nghiêm trọng, và càng không phải là “căn bệnh” hết cách chữa. Lòng nhân ái, sự cảm thông, ấy là phương thuốc hữu hiệu để trị căn bệnh này. Thật vậy, khi mà khả năng yêu thương, đồng cảm, chia sẻ đối với người khác dần dần được bồi đắp trong ta, khi ta biết đặt mình vào hoàn cảnh người khác để nghĩ suy và thức tỉnh, thì lúc ấy, tiếng cười ngạo mạn vô lối sẽ không có lí do gì để bật ra.*”

(Minh Đăng, Tiếng cười không muốn nghe)

Câu 1. Đoạn trích trên thuộc kiểu văn bản nào?

Câu 2. Câu thứ nhất và câu thứ hai trong đoạn có quan hệ như thế nào về ý nghĩa?

Câu 3. Trong đoạn trích trên, tác giả bàn luận đến vấn đề gì?

Ở đoạn trích trên, người viết chủ yếu dùng lí lẽ hay bằng chứng để bàn luận về vấn đề?

Câu 4. Giải thích nghĩa của từ “hữu hiệu” trong đoạn trích trên?

Câu 5. Em hiểu như thế nào về câu “Chê bai người khác là một nhược điểm phổ biến trong tính cách con người”? Câu này có ý nghĩa gì với mỗi cá nhân?

Câu 6. Vì sao người viết cho rằng cười nhạo người khác không phải là điều quá nghiêm trọng và càng không phải là “căn bệnh” hết cách chữa?

Câu 7. Theo tác giả, “phương thuốc” hữu hiệu để trị “căn bệnh” cười nhạo người khác là gì? Hãy nêu ý kiến của em về “phương thuốc” đó.

Câu 8. Vì sao trong câu “Chê bai người khác là một nhược điểm phổ biến trong tính cách con người”, không thể dùng từ yếu điểm thay cho từ nhược điểm?

Câu 9. Trong câu “Lòng nhân ái, sự cảm thông, ấy là “phương thuốc” hữu hiệu để trị “căn bệnh” này”, theo em, có thể thay từ phương thuốc bằng từ nào mà ý nghĩa của câu vẫn không thay đổi?

Câu 10. Thông qua đoạn trích trên, em rút ra được bài học gì cho bản thân về tình yêu thương, lòng nhân ái, sự cảm thông của con người trong cuộc sống?

Câu 11. Từ nội dung đoạn trích trên, em hãy viết một bài văn khoảng 1 trang giấy thi nêu suy nghĩ của em về tình yêu thương và lòng nhân ái của con người trong cuộc sống ngày nay.

ĐỀ 4: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

BÀN TAY YÊU THƯƠNG

Trong một tiết dạy vẽ, cô giáo bảo các em học sinh lớp một vẽ về điều gì làm cho em thích nhất trong đời.

Cô giáo thăm nghĩ "Rồi các em cũng lại vẽ những gói quà, những ly kem hoặc những món đồ chơi, quyển truyện tranh". Thế nhưng cô đã hoàn toàn ngạc nhiên trước một bức tranh lạ của một em học sinh Douglas: bức tranh vẽ một bàn tay.

Nhưng đây là bàn tay của ai? Cả lớp bị lôi cuốn bởi một hình ảnh đầy biểu tượng này. Một em phán đoán

- "Đó là bàn tay của bác nông dân".

Một em khác cự lại:

- "Bàn tay thon thả thế này phải là bàn tay của một bác sĩ phẫu thuật....".

Cô giáo đợi cả lớp bớt xông xáo dần rồi mới hỏi tác giả. Douglas cười ngượng nghịu:

- "Thưa cô, đó là bàn tay của cô ạ!".

Cô giáo ngẩn ngơ. Cô nhớ lại những phút ra chơi thường dùng bàn tay để dắt Douglas ra sân, bởi em là một cô bé khuyết tật, khuôn mặt không được xinh xắn như những đứa trẻ khác, gia cảnh từ lâu lâm vào tình cảnh ngặt nghèo. Cô chợt hiểu ra rằng tuy cô vẫn làm điều tương tự với các em khác, nhưng hóa ra đối với Douglas bàn tay cô lại mang ý nghĩa sâu xa, một biểu tượng của tình yêu thương.

(Quà tặng cuộc sống – Bài học yêu thương của thầy, Mai Hương)

Câu 1. Văn bản trên được viết theo phương thức biểu đạt nào?

Câu 2. Văn bản được kể theo ngôi thứ mấy?

Câu 3. Câu văn “Cô nhớ lại những phút ra chơi thường dùng bàn tay để dắt Douglas ra sân, bởi em là một cô bé khuyết tật, khuôn mặt không được xinh xắn như những đứa trẻ khác, gia cảnh từ lâu lâm vào tình cảnh ngặt nghèo” chỉ ra từ láy trong câu văn ?

Câu 4. Trong câu "Rồi các em cũng lại vẽ những gói quà, những ly kem hoặc những món đồ chơi, quyển truyện tranh" có mấy cụm danh từ? Chỉ ra các cụm danh từ đó?

Câu 5. Trạng ngữ trong câu “Trong một tiết dạy vẽ, cô giáo bảo các em học sinh lớp một vẽ về

điều gì làm cho em thích nhất trong đời” có chức năng gì?

Câu 6. Tìm và nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu sau: *Cô nhớ lại những phút ra chơi thường dùng bàn tay để dắt Douglas ra sân, bởi em là một cô bé khuyết tật, khuôn mặt không được xinh xắn như những đứa trẻ khác, gia cảnh từ lâu lâm vào tình cảnh ngặt nghèo*”.

Câu 7. Trong câu: "Bàn tay thon thả thế này phải là bàn tay của một bác sĩ phẫu thuật...." Từ “**tay**” là:

- A. Từ đồng âm B. Từ đa nghĩa C. Từ đơn nghĩa D. Từ trái nghĩa

Câu 8. Douglas vẽ bàn tay ai? Điều đó có ý nghĩa gì? Nếu em gặp một bạn như Douglas em sẽ nói gì với bạn ấy?

Câu 9. Viết một đoạn văn từ 5 – 7 câu nêu cảm nhận của em về nhân vật Douglas. Trong đoạn có sử dụng trạng ngữ (gạch chân chú thích thành phần trạng ngữ)

ĐỀ 5: Đọc và trả lời các câu hỏi:

“Kiến, đĩa, các loài rắn và một số loài cá luôn rất mẫn cảm đối với sự thay đổi của thời tiết. Điều này có mối quan hệ mật thiết đối với kết cấu cơ thể, thói quen sống của chúng. Kiến, rắn sống lâu năm trong các hang đá, các hang động dưới lòng đất. Vì vậy khi nhiệt độ, độ ẩm, áp khí có sự biến đổi khác thường, chúng có thể cảm nhận rất nhanh nhạy và có những phản ứng thông qua cơ quan cảm nhận đặc biệt. Ví dụ như chuyển chỗ ở đi nơi khác dự báo rằng thời tiết sẽ có những thay đổi. Bởi vì mưa lớn sẽ làm tràn ngập, cuốn trôi tổ của chúng vì vậy chúng phải chủ động chuyển đến chỗ cao ráo trước.”

(Phương Hiếu, *Bí mật về thế giới động vật*, NXB Lao động, 2015, tr. 11)

Câu 1. Vấn đề chính được đề cập trong văn bản là gì?

Câu 2. Phân tích cấu trúc ngữ pháp câu văn “Vì vậy khi nhiệt độ, độ ẩm, áp khí có sự biến đổi khác thường, chúng có thể cảm nhận rất nhanh nhạy và có những phản ứng thông qua cơ quan cảm nhận đặc biệt.”

Câu 3. Khi thấy đàn kiến di chuyển đến vị trí cao hơn, con người có thể đoán trời sắp mưa. Em hãy tìm 02 câu tục ngữ/ ca dao cũng nói về việc quan sát các hiện tượng tự nhiên để biết được thời tiết.

Câu 4. Từ câu chuyện chuyển nơi trú ẩn của khi trời sắp mưa của kiến và rắn, ta thấy được sự nhạy cảm và cẩn thận của các loài vật. Đây là những phẩm tính tốt khi áp dụng với cả con người. Em hãy viết bài văn ngắn (khoảng 2/3 trang giấy) bàn về sự cẩn thận.

MÔN TOÁN

A. NỘI DUNG ÔN TẬP

I. SỐ HỌC







1. Mở rộng khái niệm phân số. Phân số bằng nhau. So sánh phân số. Hỗn số dương.
2. Các phép toán với phân số.
3. Số thập phân và các phép toán với số thập phân.
4. Tỉ số và tỉ số phần trăm
5. Hai bài toán về phân số và tỉ số phần trăm
6. Dữ liệu, thu thập dữ liệu, bảng thống kê.
7. Biểu đồ tranh, biểu đồ cột, biểu đồ cột kép.

II. HÌNH HỌC

1. Điểm, đường thẳng, đoạn thẳng, tia.
2. Độ dài đoạn thẳng
3. Trung điểm đoạn thẳng
4. Góc. Số đo góc. Các góc đặc biệt

B. BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Một cửa hàng bán ô tô thống kê số lượng ô tô bán được trong 4 quý năm 2021 được kết quả như sau:

Quý 1	
Quý 2	
Quý 3	
Quý 4	
 : 10 chiếc xe,  5 chiếc xe	

Số xe bán được trong quý 2 là:

- A. 30 B. 40 C. 45 D. 50

Câu 2. Phân số nghịch đảo của phân số $\frac{3}{-14}$ là

- A. $\frac{-3}{14}$ B. $\frac{3}{14}$ C. $\frac{14}{3}$ D. $\frac{-14}{3}$

Câu 3. Phân số $\frac{9}{100}$ viết dưới dạng số thập phân là

- A. 0,9 B. 0,09 C. 0,90 D. 0,009

Câu 4. Viết số 0,15 thành phân số tối giản được kết quả là

- A. $\frac{6}{20}$ B. $\frac{15}{100}$ C. $\frac{3}{20}$ D. $\frac{1}{4}$

Câu 5. Làm tròn số thập phân 81,243 đến hàng phần trăm ta được số

- A. 81,24 B. 81,25 C. 81 D. 81,240

Câu 6. Làm tròn số 11,27 đến hàng phần mười ta được số

- A. 11,2 B. 11,3 C. 11,0 D. 11,5

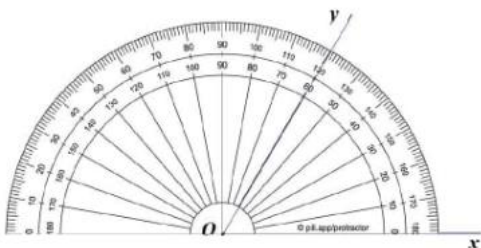
Câu 7. Biết $\frac{x}{27} = \frac{-5}{9}$ thì x có giá trị bằng

- A. - 5 B. 15 C. - 15 D. - 135

Câu 8. Góc vuông có số đo bằng:

- A. 120° B. 90° C. 0° D. 180°

Câu 9. Số đo $\angle xOy$ trong hình vẽ dưới đây là



- A. 6° B. 120° C. 60° D. 12°

Câu 10. Chọn khẳng định SAI

- A. Hai tia đối nhau thì chung gốc
 B. Hai tia trùng nhau thì chung gốc
 C. Góc tù là góc có số đo lớn hơn 90° và bé hơn 180°
 D. Hai tia chung gốc thì đối nhau.

Câu 11. Cho hình vẽ dưới đây. Chọn khẳng định đúng.



- A. Tia AC và tia AD trùng nhau. B. Tia DA và tia DB trùng nhau.
 C. Tia AC và tia CA đối nhau. D. Tia AD và tia AB trùng nhau.

Câu 12. Cho góc MNP. Đỉnh và cạnh của góc là

- A. đỉnh là M, các cạnh là MN, MP. B. đỉnh là P, các cạnh là PM, PN.
 C. đỉnh là N, các cạnh là NM, NP. D. đỉnh là N, các cạnh là MN, PN.

C. BÀI TẬP TỰ LUẬN

Dạng 1. Thực hiện phép tính. Tính hợp lý

Bài 1. Tính hợp lý

- a) $\frac{7}{30} + \frac{-12}{37} + \frac{23}{30} + \frac{-25}{37}$ b) $\frac{-20}{23} + \frac{8}{15} - \frac{3}{23} + \frac{7}{15} + \frac{1}{2}$
 c) $(-12,5) + 17,55 + (-3,5) + 2,45$ d) $(-9,237) + 3,8 + 1,237 - 3,8 + 1,123$
 e) $4,35 - (2,67 - 1,65) + (3,54 - 6,33)$ g) $\frac{5}{7} \cdot \frac{5}{11} + \frac{5}{7} \cdot \frac{2}{11} - \frac{5}{7} \cdot \frac{14}{11}$
 h) $\frac{-5}{7} \cdot \frac{3}{13} + \frac{-5}{7} \cdot \frac{10}{13} + 1\frac{5}{7}$ i) $3,58.24,45 + 3,58.75,55 + 12,42$
 k) $3,4 \cdot (-23,68) - 3,4 \cdot 45,12 + (-31,2) \cdot 3,4$ l) $1,14 \cdot 6,4 + 1,14 \cdot 3,6 + 11,4$

Bài 2. Thực hiện phép tính

- a) $\frac{7}{3} + \frac{2}{3} \cdot \frac{5}{6}$ b) $\left(\frac{-3}{7} + \frac{1}{4}\right) : \frac{15}{28}$ c) $(-2)^3 \cdot \frac{-1}{24} + \left(\frac{4}{5} - 1,2\right) : \frac{2}{15}$
 d) $25\% - 1\frac{1}{2} - \frac{1}{2^2} + 0,25 : \frac{1}{12}$ e) $\frac{4}{25} + \frac{1}{2} \cdot (4,5 - 2) - 25\% + (-2)^2$

Dạng 2. Tìm x

Bài 3. Tìm x, biết:

- a) $x + 1,5 = 2,15 - 0,4$ b) $x - \frac{10}{3} = \frac{7}{15} \cdot \frac{3}{5}$ c) $\frac{3}{5} \cdot x = \frac{1}{4} + \frac{1}{3}$
 d) $\frac{2}{3} : x = 1,4 - \frac{12}{5}$ e) $\frac{1}{4} + \frac{3}{4} : x = -2$ g) $(x - 0,7) : 4 = 5$
 h) $0,75 + 2 \cdot \left(x - \frac{2}{3}\right) = 2$ i) $2\frac{1}{4} : \left(x - 7\frac{1}{3}\right) = 1,5$

Dạng 3. Toán đố

Bài 4. Một lớp có 40 học sinh, số học sinh giỏi chiếm 50% số học sinh cả lớp. Số học sinh khá bằng $\frac{3}{4}$ số học sinh giỏi, còn lại là học sinh trung bình.

- Tính số học sinh mỗi loại.
- Tính tỉ số phần trăm của số học sinh khá và số học sinh trung bình.

Bài 5. Lớp 6A có 40 học sinh gồm ba loại: Giỏi, Khá và Trung bình. Số học sinh giỏi bằng số $\frac{1}{2}$ số học sinh cả lớp. Số học sinh khá bằng 60% số học sinh còn lại.

- Tính số học sinh mỗi loại.
- Tính tỉ số phần trăm số học sinh trung bình và số học sinh cả lớp.

Bài 6. Vườn nhà bạn An trồng 4 loại cây: chuối, mít, cam, hồng xiêm. Tổng cộng có tất cả 90 cây. Biết rằng số cây chuối chiếm 30% tổng số cây. Số cây mít chiếm 20% tổng số cây. 25% số cây cam là 5 cây.

Hỏi số cây mít, cam, hồng xiêm trong vườn nhà An là bao nhiêu?

Bài 7. Một cửa hàng bán gạo bán hết số gạo của mình trong 3 ngày. Ngày thứ nhất cửa hàng bán được 150 kg gạo. Số gạo bán được trong ngày thứ hai bằng $\frac{2}{3}$ số gạo bán được trong ngày thứ nhất. Số gạo bán được trong ngày thứ nhất bằng 75% số gạo bán được trong ngày thứ ba. Hỏi cửa hàng bán được tất cả bao nhiêu kg gạo?

Bài 8. Một mảnh đất có diện tích bằng $60m^2$ được trồng 3 loại hoa: hướng dương, hồng, cúc. Người ta sử dụng 50% diện tích mảnh đất để trồng hoa hướng dương.

- Tính diện tích đất dùng để trồng hoa hướng dương.
- Biết 60% diện tích đất dùng để trồng hoa hồng là $9m^2$. Tính diện tích phần đất dùng để trồng hoa cúc.

Dạng 4. Thống kê và biểu đồ

Bài 9. Biểu đồ tranh dưới đây thể hiện số học sinh khối 6 của một trường THCS yêu thích các loại quả.

Loại quả	Số học sinh yêu thích
Táo	
Chuối	
Dứa hấu	
Cam	
Bưởi	

(= 10 học sinh; = 5 học sinh)

- Loại quả nào nhiều học sinh thích nhất? Loại quả nào ít học sinh thích nhất?
- Tính số học sinh yêu thích mỗi loại quả.
- Số học sinh yêu thích loại quả chuối chiếm bao nhiêu phần trăm?

Bài 10. Biểu đồ dưới đây thể hiện trái cây yêu thích của học sinh lớp 6B.



- Loại trái cây nào được học sinh yêu thích nhất? Loại trái cây nào ít học sinh thích nhất?
- Mỗi loại trái cây có bao nhiêu học sinh yêu thích?
- Tính tỉ số phần trăm số học sinh yêu thích loại quả xoài.

Dạng 5. Hình học

Bài 11. Trên tia Ox lấy hai điểm M và N sao cho $OM = 3\text{cm}$, $ON = 6\text{cm}$.

- Tính MN và Chứng tỏ M là trung điểm ON.
- Lấy điểm P thuộc đoạn thẳng OM sao cho $PM = 1\text{cm}$. Lấy điểm Q thuộc tia đối tia Ox sao cho $OQ = 2\text{cm}$. Chứng minh O là trung điểm PQ.

Bài 12. Trên tia Ox lấy hai điểm A và B sao cho $OA = 2\text{cm}$, $OB = 6\text{cm}$.

- Tính độ dài đoạn thẳng AB.
- Gọi M là trung điểm của AB. Tính OM.
- Lấy N thuộc tia đối của tia BO sao cho $BN = 2\text{cm}$. Chứng minh M là trung điểm ON.

Bài 13. Cho điểm O thuộc đường thẳng xy. Trên tia Ox lấy điểm M sao cho $OM = 4\text{cm}$. Trên tia Oy lấy điểm N sao cho $ON = 2\text{cm}$.

- Tính độ dài đoạn thẳng MN.
- Lấy P là trung điểm của đoạn thẳng ON. Tính PM
- Chứng tỏ O là trung điểm NP.

Bài 14. Vẽ tia Ox. Trên tia Ox lấy hai điểm A và B sao cho $OA = 2\text{cm}$, $OB = 4\text{cm}$.

- Tính độ dài đoạn thẳng AB. Điểm A có là trung điểm của đoạn OB không? Vì sao?
- Lấy M là trung điểm OA. Tính MA.
- Lấy N là trung điểm AB. Tính MN.

Dạng 6. Toán nâng cao.

Bài 15. Cho $A = \frac{1}{1.21} + \frac{1}{2.22} + \frac{1}{3.23} + \dots + \frac{1}{80.100}$; $B = \frac{1}{1.81} + \frac{1}{2.82} + \frac{1}{3.83} + \dots + \frac{1}{20.100}$.

Tính $\frac{A}{B}$?

Bài 16. Cho $A = \frac{12n}{3n+3}$. Tìm giá trị của n để:

- A là một số nguyên.
- Với giá trị nào của số tự nhiên n thì A có giá trị nhỏ nhất và giá trị nhỏ nhất đó bằng bao nhiêu?.

Bài 17. Tìm các số tự nhiên x, y biết:

$$a) \frac{1}{x} + \frac{y}{3} = \frac{5}{6}$$

$$b) \frac{x}{9} - \frac{3}{y} = \frac{1}{18}$$

Bài 18. Tìm x nguyên để các phân số sau nhận giá trị là số nguyên:

$$a) \frac{-4}{2x-1}$$

$$b) \frac{3x+7}{x-1}$$

$$c) \frac{4x-1}{3-x}$$

MÔN TIẾNG ANH

I. VOCABULARY

The lexical items related to the topics from Unit 7 to Unit 12

- | | |
|--|-----------------------------------|
| 1. TV programmes | 2. Sports and games |
| 3. Cities and landmarks | 4. Types of houses and appliances |
| 5. Things that can be reduced, reused and recycled | 6. Daily activities |

II. PRONUNCIATION:

- | | |
|--------------------------|------------------------|
| 1. Sounds: /θ/ and /ð/ | 2. Sounds: /e/ and /æ/ |
| 3. Sounds: /əʊ/ and /aʊ/ | 4. Word stress |

III. GRAMMAR

- | | |
|--|---|
| 1. Wh-questions | 2. Conjunctions in compound sentences: <i>and, but, so, or, because, although</i> |
| 3. Past simple | 4. Imperatives |
| 5. Possessive adjectives | 6. Possessive pronouns |
| 7. Future simple | 8. <i>Might</i> for possibility |
| 9. Articles | 10. Conditional sentences type 1 |
| 11. Comparative and Superlative adjectives | |

IV. LISTENING: Review Listening exercises from Unit 7 to Unit 12.

V. PRACTICE

PRACTICE TEST 1

I. LISTENING (1.6 pts)

I. Listen to two students talking about what they will do if they become the presidents of the 3Rs club. Circle the best answer A, B or C. You will listen TWICE.

1. Which class is Mi in?

- | | | | |
|-------|-------|-------|-------|
| A. 6A | B. 6E | C. 6H | D. 6D |
|-------|-------|-------|-------|

2. What can students exchange at the book fairs?

- | | | | |
|---------------|---------------|--------------|---------------|
| A. used boots | B. used books | C. used bins | D. used paper |
|---------------|---------------|--------------|---------------|

3. What will Nam do if he become the president of the club?

- | | |
|---------------------------------|------------------------------|
| A. Organize some uniform fairs | B. Organize some book fairs |
| C. Organize some uniform chairs | D. Organize some book chairs |

4. Who can join their fairs?

- | | | | |
|-------------|------------|------------|-----------|
| A. Students | B. Workers | C. Teacher | D. Leader |
|-------------|------------|------------|-----------|

II. Listen to a conversation and fill in the missing words or numbers.

Phong's future house	
5	Type of house: house.
6	Location: In the.....
7	Number of rooms:rooms

22. A. cycling B. skating C. swimming D. running
 23. A. game B. clubs C. activities D. matches
 24. A. everyone B. us C. old people D. boys
 25. A. sports B. game C. ball D. show

Read the following passage and mark the letter A, B, C or D to indicate the best answer to each of the following questions.

ROBOTS

A robot is a machine. But it is not just any machine. It is a special kind of machine. It is a machine that moves. It follows instructions. The instructions come from a computer. Because it is a machine, it does not make mistakes. And it does not get tired. And it never complains. Unless you tell it to!

Robots are all around us. Some robots are used to make things. For example, robots can help make cars. Some robots are used to explore dangerous places. For example, robots can help explore volcanoes. Some robots are used to clean things. These robots can help vacuum your house. Some robots can even recognize words. They can be used to help answer telephone calls. Some robots look like humans. But most robots do not. Most robots just look like machines.

Long ago, people imagined robots. But nobody was able to make a real robot. The first real robot was made in 1961. It was called Unimate. It was used to help make cars. It looked like a giant arm.

In the future, we will have even more robots. They will do things that we can't do. Or they will do things that we don't want to do. Or they will do things that are too dangerous for us. They will help make life better.

26. As used in paragraph 1, we can understand that something special is NOT _____.

- A. normal B. expensive C. perfect D. tired

27. According to the author, robots cannot be used to _____.

- A. explore volcanoes B. make cars
 C. clean your house D. do the gardening

28. What is the **main purpose** of paragraph 2?

- A. to show how easy it is to make a robot. B. to tell what a robot is.
 C. to show the things a robot can do. D. to explain the difference between a robot and a machine.

29. When was the first real robot made?

- A. 1961 B. 1960 C. 1959 D. 1962

30. How does the author feel about robots?

- A. Robots are useless. B. Robots are helpful.
 C. Robots are confusing. D. Robots are dangerous.

IV. WRITING (2 pts)

Mark the letter A, B, C or D to indicate the underlined part that needs correction in each of the following questions.

31. We didn't visit the Opera House because we don't have enough time.

- A. didn't visit B. because C. don't have D. time

32. She might has a holiday on Mars in the future.

- A. might B. has C. on D. in

Mark the letter A, B, C or D to indicate the sentence that is closest in meaning to the original sentence in each of the following question.

33. *Chi is busy tonight, so she can't go to the restaurant with us.*

- A. Because Chi is busy tonight, she can't go to the restaurant with us.
- B. Because Chi is busy tonight, so she can't go to the restaurant with us.
- C. Because Chi was busy tonight, she can't go to the restaurant with us.
- D. Because Chi is busy tonight, she can't went to the restaurant with us.

34. That's a good idea to repaint the house

- A. Let's repainting the house.
- B. Let's repaint the house.
- C. How about repaint the house.
- D. We shouldn't repaint the house.

35. Don't forget to turn off the lights.

- A. We don't have to turn off the lights.
- B. We don't need to turn off the lights.
- C. Remember to turn off the lights.
- D. Remember to turn off the light.

36. There will be a garden in front of my future house.

- A. My future house will be under a garden.
- B. My future house will be on a garden.
- C. My future house will be behind a garden.
- D. My future house will be at a garden.

Rewrite each of the following sentences so that it has the same meaning as the first one.

37. Don't make noise or you will annoy the kids. (If)

→

38. We will plant more trees. The air will be fresher (If)

→

Reorder the following words to make meaningful sentences.

39. bins/ recycling/ We/ in/ every/put/ classroom.

→

40. humans./ smarter/ Robots/than/ are/ never

→

V. SPEAKING (2pts)

PRACTICE TEST 2

I. LISTENING (1.6 pts)

Listen and complete each blank with one suitable word.

RECYCLING

Recycling means to reuse or (1) _____ something that we would normally throw in the rubbish bin.

Recycling helps our planet (2) _____ we conserve the planet's natural resources. It helps reduce pollution and greenhouse gases which cause global warming. For example, making new metal cans is (3) _____ difficult than recycling old ones. Recycling one aluminum can save enough energy to power a computer for 3 hours.

You (4) _____ recycle many things such as paper, cards, metal, material, plastic, leftovers, cooking oil, mobile phones and garden waste.

Listen and decide if each statement is true (T) or false (F).

No.	Statement	True or false
5.	Robots are special machines that follow instruction and can move.	_____
6.	Robots neither make mistakes nor complains.	_____
7.	There are robots which can make cars but there are no robots which can do household chores.	_____
8.	Robots have no capability to fight wars.	_____

II. LANGUAGE FOCUS (2.4 pts)

Mark the letter A, B, C or D to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions.

9. A. think B. those C. throw D. birththday
10. A. factory B. accident C. active D. machine
11. A. mouse B. shout C. ought D. house

Mark the letter A, B, C or D to indicate the word whose main stressed syllable is placed differently from that of the other in each group.

12. A. reuse B. reduce C. prepare D. mention
13. A. manner B. machine C. tourist D. action

Mark the letter A, B, C or D to indicate the correct answer to each of the following questions.

14. Mr Bean has _____ old car. _____ car is blue.
A. an/ The B. an/ A C. a/ The D. the/The
15. Automatic dishwasher, modern fridge, smart phone and wireless TV are _____ in the house.
A. household B. appliances C. electricity D. surroundings
16. My home robot can _____ clothes for me.
A. plant B. water C. iron D. cycle
17. If we cut down more forests, there _____ more floods.
A. was B. were C. will be D. are
18. Do you think he _____ the match?
A. will win B. wins C. is winning D. won

Mark the letter A, B, C or D to indicate the word CLOSEST in meaning to the underlined word in the following question. .

19. We need to **cut down on** the amount of waste in the neighborhood.
A. fall B. increase C. reduce D. raise

Mark the letter A, B, C or D to choose the word(s) OPPOSITE in meaning to the underlined word(s) in the following question.

20. Home robots are becoming **useful** in our daily lives.
A. strong B. helpful C. popular D. useless

III. READING (2pts)

Read the following passage and mark the letter A, B, C or D to indicate the best answer to each of the following questions.

Nowadays people are more aware that wildlife all over the world is in danger. Many species of animals are threatened and could easily become **extinct** if we do not make an effort to protect them. There are many reasons for **this**. In some cases, animals are hunted for their fur or for other valuable parts of their bodies. Some birds, such as parrots, are caught alive, and sold as pets. For many animals and birds, the problem is that their habitat - the place where they live - is disappearing. More land is used for farms, for houses or industry, and there are fewer open spaces than there once were. Farmers use powerful chemicals to help them grow better crops, but these chemicals pollute the environment and harm the wildlife. The most successful animals on Earth - human beings - will soon be the only ones left, unless we can solve this problem.

21. What does the word "**extinct**" in line 2 mean?
A. dead B. no longer in existence
C. not in a place because of illness D. suffering from a mental or physical handicap
22. The word "**this**" in line 3 refers to _____.
A. wildlife C. the fact that people are more aware that wildlife is in danger
B. danger D. the fact that many species of animals could easily become extinct

23. According to the passage, one of the reasons that people hunt animals is _____.
- A. they want their fur or other valuable parts of their bodies. B. they want to kill them.
C. they consider this a sport. D. they want to sell them as pets.
24. Which of the following is not true?
- A. Human beings are the most successful animals on Earth.
B. If we can solve the problem, we will soon be the only ones left.
C. Farmers use chemicals in order to grow better crops.
D. Chemicals pollute the environment.
25. What can be the best title of the passage?
- A. Birds are in danger B. The threat to the environment
C. The most successful animals D. Protect our Earth

Read the following passage and mark the letter A, B, C or D to indicate the word that best fits each numbered blank.

Many people are now wondering what robots will be able (26)_____ in 20 years. Scientists believe that robots will be able to learn a language, recognize your face, and understand what you say. They will also be able to walk and run, just like (27)_____.

In the home, domestic robots will cook your meals and do all the housework. (28)_____ will be able to talk to other machines in your house, like the fridge and the washing machine. The elderly will have robot friends to look (29)_____ them, and rich people will have a lot of robot servants to do anything for them, even to drive their car!

(30)_____, robots will not be able to do complicated things like playing football or writing a book. And they will not look like humans, and they will still look like machines.

26. A. to do B. doing C. do D. done
27. A. animals B. things C. humans D. aliens
28. A. People B. It C. Home D. They
29. A. after B. up C. at D. for
30. A. However B. Therefore C. Nevertheless D. Because

IV. WRITING (2 pts)

Mark the letter A, B, C or D to indicate the underlined part that needs correction in each of the following questions.

31. Ha Long Bay is one of the beautifuliest place in Quang Ninh.
A. is B. the C. beautifuliest D. in
32. But we reduce soil pollution, plants will grow well.
A. But B. reduce C. pollution D. will grow

Mark the letter A, B, C or D to indicate the sentence that is closest in meaning to the original sentence in each of the following questions.

- 33. We will have more breathing problems. We keep polluting the air.**
- A. Unless we keep polluting the air, we will have more breathing problems.
B. When we keep polluting the air, we will have less breathing problems.
C. If we keep polluting the air, we will have less breathing problems.
D. If we keep polluting the air, we will have more breathing problems.
- 34. Children take part in some outdoor activities after school.**
- A. Children participate in some outdoor activities after school.
B. Children participate of some outdoor activities after school.
C. Children participates in some outdoor activities after school.
D. Children participate doing some outdoor activities after school.

35. *My grandmother enjoys living in the countryside. It's quiet.*

- A. Because my grandmother enjoys living in the countryside, it's quiet.
- B. My grandmother enjoys living in the countryside because it's quiet.
- C. My grandmother enjoys living in the countryside although it's quiet.
- D. Although my grandmother enjoys living in the countryside, it's quiet.

36. *No one in my class is more intelligent than Hoa.*

- A. Hoa is most intelligent student in my class.
- B. Hoa is not as intelligent as my classmates.
- C. Hoa is the most intelligent student in my class.
- D. Hoa is not more intelligent than other students in my class.

Rewrite each of the following sentences so that it has the same meaning as the first one.

37. *If he doesn't work hard, he will lose his job.*

→ Unless.....

38. I advise you not to eat lots of sweets.

→ You should

Reorder the following words to make meaningful sentences.

39. Pho / most / I've/ eaten. / the / is / delicious / ever

→

40. He / catch / the train / London / to / this weekend. / will

→

V. SPEAKING (2pts)

PRACTICE TEST 3

Mark the letter A, B, C or D to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions. (0.4 point)

Question 1: A. their B. health C. thanks D. earth

Question 2: A. tower B. crowd C. around D. tomorrow

Mark the letter A, B, C or D to indicate the word that differs that from the other three in the position of stress in each of the following question. (0.4 point)

Question 3: A. station B. mobile C. agree D. robot

Question 4: A. collect B. happy C. decide D. remind

Mark the letter A, B, C or D to indicate the correct answer to each of the following questions. (1 point)

Question 5: If the weather _____ good, I _____ camping with classmates.

A. is / go B. is / will go C. will be / go D. will be / will go

Question 6: Walking to school will help to _____ air pollution.

A. reduce B. reuse C. recycle D. refill

Question 7: Our future house _____ in the sea.

A. will be B. aren't C. is D. was

Question 8: _____ Moon is bright tonight.

A. a B. an C. The D. any

Question 9: The people here are _____.

A. friendly B. delicious C. polluted D. long

Mark the letter A, B, C or D to indicate the most suitable response to complete the following exchange. (0.2 point)

Question 10: *Duong is talking to Mai about her match.*

Duong: "Last week I played with Duy and I won for the first time." Mai: "_____"
A. Great! B. Congratulations! C. Oh, really? D. Well...OK

Mark the letter A, B, C or D to indicate the word(s) CLOSEST in meaning to the underlined word(s) in the following question. (0.2 point)

Question 11: In the future, people will use solar energy to cook and heat or cool their houses.

- A. The power from the sun C. the power from the moon
B. The power from the water D. the power from the ground

Mark the letter A, B, C or D to indicate the word(s) OPPOSITE in meaning to the underlined word(s) in the following question. (0.2 point)

Question 12: The best time to visit is during the dry season, from October to April, when the hard forest rain is over.

- A. wet B. hot C. cold D. windy

Read the following passage and mark the letter A, B, C or D to indicate the correct word or phrase that best fits each numbered blank. (1 point)

My future house will be (13) _____ an island. It will be surrounded by the blue sea. There will (14) _____ a swimming pool in front of the house. There will be a helicopter on the roof. I can fly to school in it.

There will be some robots in the house. They will help me (15) _____ the floors, cook meals, wash clothes and water the flowers. They will also help me to feed the dogs and cats.

There will be (16) _____ super smart TV. It will help me to send and (17) _____ emails and contact my friends on other planets. It will also help me to buy food from the supermarket.

Question 13: A. to B. in C. at D. on

Question 14: A. are B. am C. be D. is

Question 15: A. to clean B. cleaning C. cleaned D. cleans

Question 16: A. the B. a C. some D. an

Question 17: A. contact B. receive C. feed D. wash

Read the following passage and mark the letter A, B, C or D to indicate the correct answer to each of the questions. (1 point)

Many people are now wondering what robots will be able to do in 20 years' time. Scientists believe that robots will be able to learn a language, recognize your face and understand what you say. They will also be able to walk and run, just like humans.

In the home, domestic robots will cook your meals and do the housework. They will be able to talk to other machines in your house, like the fridge and the washing machine. Old people will have robot friends to look after them, and rich people will have a lot of robot servants to do anything for them, even to drive their car.

However, robots will not be able to do complicated things like playing football or writing a book. And **they** will not look like humans, they will still look like machines.

Question 18: Scientists believe that robots will be able to learn _____.

- A. what to say B. your face C. a language D. how to run

Question 19: In the home, robots will be able to _____.

- A. buy and prepare your food B. do the housework
C. manage other machines D. look after children

Question 20: Who will have robot friends in the future?

- A. Old people B. Rich people C. Servants D. Scientists

Question 21: Which of the following can a robot not do?

- A. Walk and run B. Cook your meals

C. Drive a car

D. Write a book

Question 22: The word “**they**” in the last sentence refers to _____.

A. robots

B. things

C. humans

D. machines

Mark the letter A, B, C or D to indicate the underlined part that needs correction in each of the following questions. (0.4 point)

Question 23: Ha Long Bay is one of the most beautifuler place in Quang Ninh.

A. is

B. the

C. most beautifuler

D. in

Question 24: If we will use less paper, we will save a lot of trees.

A. will use

B. less

C. will save

D. trees

Mark the letter A, B, C or D to indicate the sentence that has a completed meaning by using the words/ phrases given. (0.4 point)

Question 25: *Nam/miss/ the bus/ he/ late/ school.*

A. Nam missed the bus, but he was late for school.

B. Nam miss the bus, and he was late for school.

C. Nam missed the bus, so he was late for school.

D. Nam missed the bus, because he was late for school.

Question 26: *Will/ you/ live/ hi-tech house?*

A. Will you live in an hi-tech house?

B. Will you live in a hi-tech house?

C. Will you living in a hi-tech house?

D. Will you live on an hi-tech house?

Mark the letter A, B, C or D to indicate the sentence that is closest in meaning to each of the following questions. (0.4 point)

Question 27: *You should recycle the used things to protect the environment.*

A. If we recycle the used things, we won't protect the environment.

B. If we recycle the used things, we protected the environment.

C. If we recycle the used things, we will protect the environment.

D. If we recycled the used things, we will protect the environment.

Question 28: *You shouldn't use plastic bags.*

A. Let's use plastic bags.

B. We must use plastic bags.

C. Don't use plastic bags.

D. We should use plastic bags.

Write full sentences using the word/ sets of words given. (0.2 point)

Question 29: *Lan/ play volleyball/ with/ Mai/ last Sunday.*

→

Use the given words to rewrite the sentences without changing the meaning (0.4 point)

Question 30: I like cartoons. I don't watch them much. (**but**)

→

Question 31: We will plant more trees. The air will be fresher.

→ **If**

Make a question for the underlined words. (0.2 point)

Question 32: We will visit Japan next month.

→

Question 33-40. Listen and fill in the blanks. (1.6 points)

Mi: I'm Mi from class (33) _____. If I become the (34) _____ of the 3Rs Club, firstly, I'll talk to my friends about (35) _____ in every classroom. Then we can (36) _____ or sell the things we have in these bins. Secondly, if we get a lot of money from selling these things, we'll buy (37) _____ for every class. Finally, I'll organize a few book fairs. There, students can swap their used books.

Nam: I'm Nam from class (38) _____. If I become the president of the Club, I'll encourage the students to go to school (39) _____. It'll be fun and save the environment. Next, I will set up a gardening group. We can grow (40) _____ in our school garden. Finally, I'll organize some uniform fairs. There, students can swap their used uniforms with younger or older students.

Question 33. A. 6A

B. 6B

C. 6D

D. 6E

Question 34. A. secretary

B. manager

C. President

D. speaker

Question 35. A. buying some recycling bins

B. putting a recycling bin

C.

Borrowing some bins

D. reusing some bins

Question 36. A. Reuse

B. recycle

C. reduce

D. refill

Question 37. A. energy- saving ceiling fans

B. energy- saving air-conditioner

C. energy-saving lights

D. some light bulbs

Question 38. A. 6A

B. 6B

C. 6D

D. 6E

Question 39. A. on foot

B. by bus

C. by bike

D. by boat

Question 40. A. plants

B. trees

C. vegetables

D. flowers

Speaking (2 points)

MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN

A. LÝ THUYẾT

1. Đặc điểm cấu tạo, vai trò và biện pháp phòng bệnh của vi khuẩn, virus, nguyên sinh vật, nấm.
2. Phân loại và vai trò của thực vật, động vật.
3. Vai trò của đa dạng sinh học? Nguyên nhân và hậu quả sự suy giảm đa dạng sinh học? Biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học.
4. Định nghĩa lực, các tác dụng của lực, các yếu tố của lực, cách biểu diễn lực.
5. Nêu được định nghĩa, đặc điểm, lấy được ví dụ, xác định được các yếu tố của lực hút của Trái Đất, lực hấp dẫn, lực đàn hồi, lực ma sát, lực cản của nước. Phân biệt trọng lượng và khối lượng.
6. Năng lượng và sự truyền năng lượng, một số dạng năng lượng, sự chuyển hóa năng lượng; định luật bảo toàn năng lượng;
7. Năng lượng hao phí, năng lượng tái tạo; Tại sao cần tiết kiệm năng lượng, một số biện pháp tiết kiệm năng lượng.

B. BÀI TẬP

I. Trắc nghiệm

Câu 1. Nấm **không** thuộc giới Thực vật vì

- A. Nấm không có khả năng sống tự dưỡng.
- B. Nấm là sinh vật nhân thực.
- C. Nấm có thể là đơn bào hoặc đa bào.
- D. Nấm rất đa dạng về hình thái và môi trường sống.

Câu 2. Đặc điểm nào dưới đây của nấm giống với vi khuẩn?

- A. Một số đại diện có cơ thể đa bào.
- B. Cơ thể cấu tạo từ tế bào nhân thực.
- C. Có lối sống dị dưỡng: hoại sinh hay kí sinh
- D. Thành tế bào cấu tạo bằng chất kitin.

Câu 3. Nhóm thực vật nào sau đây có đặc điểm có mạch, có hạt, không có hoa?

- A. Rêu.
- B. Dương xỉ.
- C. Hạt trần.
- D. Hạt kín.

Câu 4. Trong những nhóm cây sau đây, nhóm gồm các cây thuộc ngành Hạt kín là

- A. Cây dương xỉ, cây hoa hồng, cây ôi, cây rêu.

B. Cây nhãn, cây hoa li, cây bèo tấm, cây vụn tuế.

C. Cây bưởi, cây táo, cây hồng xiêm, cây lúa.

D. Cây thông, cây rêu, cây lúa, cây rau muống.

Câu 5. Ở dương xỉ, các túi bào tử nằm ở đâu?

A. Mặt dưới của lá.

B. Mặt trên của lá.

C. Thân cây.

D. Rễ cây.

Câu 6. Khi nói về rêu, nhận định nào dưới đây là chính xác?

A. Cấu tạo đơn bào.

B. Chưa có rễ chính thức.

C. Không có khả năng hút nước.

D. Thân đã có mạch dẫn.

Câu 7. Rêu sinh sản theo hình thức nào?

A. Sinh sản bằng bào tử.

B. Sinh sản bằng hạt.

C. Sinh sản bằng cách phân đôi.

D. Sinh sản bằng cách nảy chồi.

Câu 8. Trong các biện pháp giúp giảm thiểu ô nhiễm và điều hòa khí hậu, biện pháp khả thi, tiết kiệm và mang lại hiệu quả lâu dài nhất là

A. ngừng sản xuất công nghiệp.

B. xây dựng hệ thống xử lý chất thải.

C. trồng cây gây rừng.

D. di dời các khu chế xuất lên vùng núi.

Câu 9. Có thể phân biệt thực vật thuộc ngành Rêu và Dương xỉ dựa vào đặc điểm nào sau đây?

A. Mùi hương.

B. Số lượng cá thể trong loài.

C. Đặc điểm hệ mạch dẫn.

D. Số lượng loài của ngành.

Câu 10. Sự đa dạng của động vật được thể hiện rõ nhất ở

A. Cấu tạo cơ thể và số lượng loài.

B. Số lượng loài và môi trường sống.

C. Môi trường sống và hình thức dinh dưỡng.

D. Hình thức dinh dưỡng và hình thức di chuyển.

Câu 11. Đặc điểm cơ bản nhất để phân biệt nhóm động vật có xương sống với nhóm động vật không xương sống là

A. Hình thái đa dạng.

B. Có xương sống.

C. Kích thước cơ thể lớn.

D. Sống lâu.

Câu 12. Tập hợp các loài nào dưới đây thuộc lớp Động vật có vú (thú)?

A. Tôm, muỗi, lợn, cừu.

B. Bò, châu chấu, sư tử, voi.

C. Cá voi, vịt trời, rùa, thỏ.

D. Gấu, mèo, dê, cá heo.

Câu 13. Thế nào là động vật quý hiếm?

A. Là những động vật có giá trị về thực phẩm, dược liệu, mỹ nghệ, nguyên liệu công nghiệp, làm cảnh, xuất khẩu.

B. Là những động vật sống trong thiên nhiên trong vòng 10 năm trở lại đây đang có dấu hiệu giảm sút.

C. Là những động vật có giá trị.

D. Là những động vật được nuôi trong sở thú.

Câu 14. Đặc điểm của động vật rất nguy cấp

A. Số lượng cá thể giảm 80%.

B. Số lượng cá thể giảm 50%.

C. Số lượng cá thể giảm 20%.

D. Loài động vật quý hiếm được nuôi hoặc bảo tồn.

Câu 15. Để bảo vệ động vật quý hiếm cần

- A. Bảo vệ môi trường sống của động vật quý hiếm.
- B. Cấm săn bắn, buôn bán trái phép.
- C. Đẩy mạnh chăn nuôi và xây dựng các khu dự trữ thiên nhiên.
- D. Tất cả các biện pháp trên.

Câu 16. Sắp xếp các lớp động vật sau theo thứ tự tiến hóa dần từ trái qua phải.

- A. Lưỡng cư → Thú → Chim → Cá → Bò sát.
- B. Cá → Lưỡng cư → Bò sát → Chim → Thú.
- C. Chim → Cá → Bò sát → Lưỡng cư → Thú.
- D. Thú → Bò sát → Chim → Cá → Lưỡng cư.

Câu 17. Đa dạng sinh học **không** biểu hiện ở tiêu chí nào sau đây?

- A. Đa dạng nguồn gen.
- B. Đa dạng hệ sinh thái.
- C. Đa dạng loài.
- D. Đa dạng môi trường.

Câu 18. Tiêu chí nào dưới đây biểu thị sự đa dạng sinh học?

- A. Số lượng loài trong quần thể.
- B. Số lượng cá thể trong quần xã.
- C. Số lượng loài.
- D. Số lượng cá thể trong một loài.

Câu 19. Hiện tượng ngủ đông của động vật đới lạnh có ý nghĩa gì?

- A. Giúp cơ thể tiết kiệm năng lượng.
- B. Giúp cơ thể tổng hợp được nhiều nhiệt.
- C. Giúp lẩn tránh kẻ thù.
- D. Tránh mất nước cho cơ thể.

Câu 20. Đặc điểm nào dưới đây **không** có ở các động vật đới nóng?

- A. Di chuyển bằng cách quăng thân.
- B. Thường hoạt động vào ban ngày trong mùa hè.
- C. Có khả năng di chuyển rất xa.
- D. Chân cao, móng rộng và đệm thịt dày.

Câu 21. Khi một vận động viên bắt đầu đẩy quả tạ, vận động viên đã tác dụng vào quả tạ một

- A. lực đẩy.
- B. lực nén.
- C. lực kéo.
- D. lực uốn.

Câu 22. Một bạn chơi trò nhảy dây. Bạn đó nhảy lên được là do

- A. lực của chân đẩy bạn đó nhảy lên.
- B. lực của đất tác dụng lên chân bạn đó.
- C. chân bạn đó tiếp xúc với đất.
- D. lực của đất tác dụng lên dây.

Câu 23. Một em bé thả một quả bóng cao su xuống sàn nhà. Khi quả bóng chạm sàn nhà thì lực của sàn nhà tác dụng lên quả bóng

- A. chỉ làm cho quả bóng biến đổi chuyển động.
- B. chỉ làm cho quả bóng biến dạng.
- C. vừa làm cho quả bóng biến dạng, vừa làm cho quả bóng biến đổi chuyển động.
- D. không làm quả bóng biến dạng cũng không làm biến đổi chuyển động của quả bóng.

Câu 24. Hình nào biểu diễn đúng lực do búa đóng đinh vào tường với tỉ xích 0,5 cm ứng với 10 N?

- A.
- B.
- C.
- D.

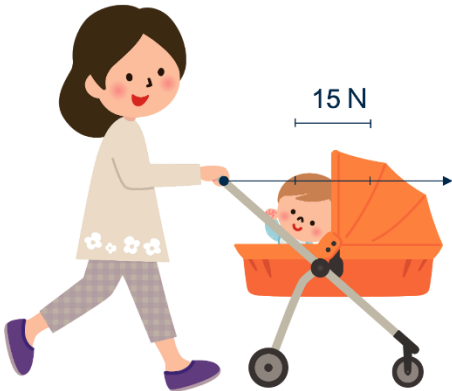
Câu 25. Xét hai toa tàu thứ ba và thứ tư trong một đoàn tàu đang lên dốc. Lực mà toa tàu thứ ba tác dụng vào toa tàu thứ tư gọi là lực số 3, lực mà toa tàu thứ tư tác dụng lại toa tàu thứ ba gọi là lực số 4. Chọn câu đúng.

- A. Lực số 3 và lực số 4 đều là lực đẩy. B. Lực số 3 và lực số 4 đều là lực kéo.
C. Lực số 3 là lực kéo, lực số 4 là lực đẩy. D. Lực số 3 là lực đẩy, lực số 4 là lực kéo.

Câu 26. Một người kéo và một người đẩy cùng một chiếc xe lên dốc. Xe không nhúc nhích. Cặp lực nào dưới đây là cặp lực cân bằng?

- A. Lực người kéo và lực người đẩy lên chiếc xe.
B. Lực người kéo chiếc xe và lực chiếc xe kéo lại người đó.
C. Lực người đẩy chiếc xe và lực chiếc xe đẩy lại người đó.
D. Cả ba cặp lực nói trên đều không phải là các cặp lực cân bằng.

Câu 27. Lực tác dụng vào xe có độ lớn là N.



- A. 15 N. B. 25 N. C. 35 N. D. 45 N.

Câu 28. Biến dạng nào dưới đây **không** phải là biến dạng đàn hồi?

- A. Dây cao su được kéo căng ra. B. Que nhôm bị uốn cong.
C. Lò xo trong chiếc bút bi bị nén lại. D. Quả bóng cao su đập xuống đất.

Câu 29. Treo một quả cân 200 g vào một lực kế thì kim của lực kế chỉ vạch thứ 2. Nếu treo thêm quả cân 100 g vào lực kế thì kim của lực kế chỉ

- A. vạch thứ 3. B. vạch thứ 1. C. vạch thứ 5. D. vạch thứ 4.

Câu 30. Treo một quả cân 200 g vào một lực kế thì kim của lực kế chỉ vạch thứ 2. Nếu kim của lực kế chỉ vạch thứ 4 thì khối lượng của quả cân cần treo thêm vào lực kế là bao nhiêu?

- A. 100 g. B. 400 g. C. 200 g. D. 300 g.

Câu 31. Có một lò xo được treo trên giá và một hộp các quả nặng khối lượng 50 g. Treo một quả nặng vào đầu dưới của lò xo thì lò xo dài thêm 0,5 cm. Để lò xo dài thêm 2,5 cm thì cần phải treo vào lò xo bao nhiêu quả nặng?

- A. 4. B. 5. C. 2. D. 3.

Câu 32. Có một lò xo được treo trên giá và một hộp các quả nặng khối lượng 50 g. Treo một quả nặng vào đầu dưới của lò xo thì lò xo dài thêm 0,5 cm. Khi treo 6 quả nặng vào lò xo, người ta đo được chiều dài của nó là 14 cm. Hỏi chiều dài tự nhiên của lò xo là bao nhiêu?

- A. 13 cm. B. 12 cm. C. 11 cm. D. 10 cm.

Câu 33. Một lò xo có chiều dài tự nhiên là 10 cm. Khi treo quả nặng có khối lượng 200 g thì chiều dài của lò xo là 12 cm. Để chiều dài của lò xo là 15 cm thì khối lượng quả nặng cần treo vào là

- A. 600 g. B. 400 g. C. 300 g. D. 500 g.

Câu 34. Một quyển sách 100 g và một quả cân bằng sắt 100 g đặt gần nhau trên mặt bàn. Nhận xét nào sau đây là **không** đúng?

- A. Hai vật có cùng trọng lượng. B. Hai vật có cùng thể tích.
C. Hai vật có cùng khối lượng. D. Có lực hấp dẫn giữa hai vật.

Câu 35. Hiện tượng nào sau đây là kết quả tác dụng của lực hút của Trái Đất?

- A. Quả bưởi rụng trên cây xuống.
B. Hai nam châm hút nhau.
C. Đẩy chiếc tủ gỗ chuyển động trên sàn nhà.
D. Căng buồm để thuyền có thể chạy trên mặt nước.

Câu 36. Một vận động viên võ thuật có khối lượng 82 kg. Trọng lượng của người đó là

- A. 8,2N. B. 82N. C. 820 N. D. 8200 N

Câu 37. Một lò xo treo thẳng đứng có chiều dài ban đầu là 20 cm. Khi treo một quả nặng, độ dài của lò xo là 22 cm. Nếu treo cùng lúc ba quả nặng như vậy thì độ giãn của lò xo là

- A. 6 cm. B. 4 cm. C. 26 cm. D. 22 cm.

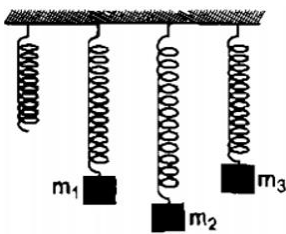
Câu 38. Một lò xo treo thẳng đứng có chiều dài ban đầu là 25 cm. Treo vật A khối lượng 50 g vào thì chiều dài của lò xo là 28 cm. Lúc sau thay vật A bằng vật B thì lò xo dài 31 cm. Khối lượng của vật B là

- A. 80 g. B. 50 g. C. 150 g. D. 100 g.

Câu 39. Trong các hoạt động sau, hoạt động nào xuất hiện lực tiếp xúc?

- A. Thợ đóng cọc xuống đất. B. Viên đá rơi.
C. Nam châm hút viên bi sắt. D. Mặt trăng quay quanh Mặt trời.

Câu 40. Lần lượt treo một lò xo có khối lượng m_1 , m_2 , m_3 thì lò xo dãn ra như hình vẽ bên. Hãy so sánh các khối lượng m_1 , m_2 , m_3 .



- A. $m_1 = m_2 = m_3$. B. $m_1 > m_2 > m_3$.
C. $m_2 > m_3 > m_1$. D. $m_3 > m_1 > m_2$.

Câu 41. Một quả cân có khối lượng 100g thì có trọng lượng

- A. 1000N. B. 100N. C. 10N. D. 1N.

Câu 42. Treo thẳng đứng một lò xo, đầu dưới gắn với một quả cân 100 g thì lò xo có độ dài là 11 cm, nếu thay bằng quả cân 200 g thì lò xo có độ dài 11,5 cm. Hỏi nếu treo quả cân 500 g thì lò xo có độ dài bao nhiêu?

- A. 12 cm. B. 12,5 cm. C. 13 cm. D. 13,5 cm.

Câu 43. Độ dãn của lò (Δl) được tính bằng công thức

- A. $\Delta l = l + l_0$. B. $\Delta l = l - l_0$. C. $\Delta l = l_0 - l$. D. $\Delta l = \frac{l - l_0}{2}$.

Câu 44. Treo một quả cân 150g vào một lực kế thì kim lực kế chỉ vạch thứ 3. Vậy nếu khi treo quả cân 100g vào lực kế thì kim lực kế chỉ đến vạch thứ mấy?

A. Vạch thứ 2.

B. Vạch thứ 3.

C. Vạch thứ 4.

D. Vạch thứ 5.

Câu 45. Trường hợp nào sau đây, ma sát là có hại?

A. Xe ô tô bị sa lầy.

B. Trời mưa, đường trơn trượt, đi có thể bị ngã.

C. Bôi dầu vào xích xe đạp.

D. Bánh xe đi lâu ngày bị mòn.

Câu 46. Trường hợp nào sau đây lực xuất hiện **không** phải là lực ma sát ?

A. Lực xuất hiện làm mòn đế giày,

B. Lực xuất hiện khi lốp xe trượt trên mặt đường.

C. Lực xuất hiện khi lò xo bị nén hay bị dãn.

D. Lực xuất hiện giữa dây cua roa với bánh xe truyền chuyển động.

Câu 47. Lực ma sát nghỉ xuất hiện khi

A. xe máy đang chuyển động, đột ngột hãm phanh (thắng).

B. hộp phấn để yên trên mặt bàn nằm nghiêng.

C. xe đạp đang xuống dốc.

D. quả bóng đặt trên mặt nằm ngang nhẵn bóng.

Câu 48. Lực ma sát trượt xuất hiện trong trường hợp nào sau đây?

A. Ma sát giữa má phanh với vành xe.

B. Ma sát giữa lốp xe với mặt đường khi xe đang chuyển động.

C. Ma sát giữa cốc nước đặt trên mặt bàn với mặt bàn.

D. Ma sát giữa các viên bi với ổ trục xe đạp, xe máy.

Câu 49. Khi trên chỗ đất trơn, ta bám chặt ngón chân xuống nền đất là để

A. giảm ma sát giữa chân với nền đất.

B. tăng áp lực của chân lên mặt đất.

C. tăng ma sát giữa chân với nền đất.

D. giảm áp lực của chân lên mặt đất.

Câu 50. Khi bắn cung, mũi tên nhận được năng lượng và bay đi. Mũi tên có năng lượng ở dạng nào?

A. Cơ năng.

B. Động năng.

C. Hóa năng.

D. Thế năng.

Câu 51. Dạng năng lượng nào cần thiết để nước đá tan thành nước?

A. Năng lượng ánh sáng.

B. Năng lượng âm thanh.

C. Năng lượng hoá học.

D. Năng lượng nhiệt.

Câu 52. Dạng năng lượng được dự trữ trong que diêm, pháo hoa là:

A. Nhiệt năng.

B. Quang năng.

C. Hoá năng.

D. Cơ năng.

Câu 53. Những dạng năng lượng nào xuất hiện trong quá trình một khúc gỗ trượt có ma sát từ trên mặt phẳng nghiêng xuống?

A. Nhiệt năng, động năng và thế năng.

B. Chỉ có nhiệt năng và động năng.

C. Chỉ có động năng và thế năng.

D. Chỉ có động năng.

Câu 54. Ta nhận biết trực tiếp được một vật có nhiệt năng khi nó có khả năng nào?

A. Có thể nóng lên.

B. Có thể làm nóng vật khác.

C. Có thể làm lạnh vật khác.

D. Có thể làm nóng nước.



A. Làm tăng thể tích vật khác.

B. Làm nóng một vật khác.

C. Sinh ra lực đẩy làm vật khác chuyển động D. Nổi trên mặt nước.

II. TỰ LUẬN

Bài 1. Trình bày vai trò của đa dạng sinh học đối với tự nhiên và con người bằng cách hoàn thành thông tin vào bảng sau:

Vai trò đối với tự nhiên	Vai trò đối với con người

Bài 2. Hãy nêu các nguyên nhân gây suy giảm đa dạng sinh học. Nêu các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học.

Bài 3. Biểu diễn các lực sau với tỉ xích 1 cm ứng với 2 N.

a) Lực F_1 có phương ngang, chiều từ trái sang phải, độ lớn 4 N.

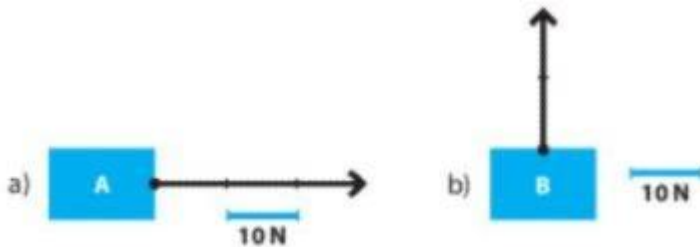
b) Lực F_2 có phương thẳng đứng, chiều từ trên xuống, độ lớn 2 N.

c) Lực F_3 có phương thẳng đứng với phương ngang một góc 45° , chiều từ trái sang phải, hướng lên trên, độ lớn 6 N.

Bài 4. Tính độ dẫn của lò xo khi treo vật trong các trường hợp sau đây.

Số quả nặng móc vào lò xo	Tổng khối lượng các quả nặng (g)	Chiều dài lò xo (cm)	Độ dẫn lò xo (cm)
0	0	20	0
1 quả nặng	50	22	
2 quả nặng	100	24	
3 quả nặng	150	26	

Bài 5. Nêu các yếu tố các lực trong hình vẽ sau, cho tỉ lệ xích 1 cm ứng với 10N.



Bài 6. Vì sao khi đá bóng vào tường, bóng lại bị bật trở lại? Khi đó, bóng và tường có bị biến dạng không?

Bài 7. Khi đang đi xe đạp, ta dùng tay bóp phanh, có phải lực của tay đã trực tiếp làm cho xe dừng lại? Giải thích.

Bài 8. Hãy cho biết trọng lượng tương ứng của các vật sau đây:

a) Túi kẹo có khối lượng 150 g.

b) Túi đường có khối lượng 2 kg.

c) Hộp sữa có khối lượng 380 g.

Bài 9. Treo một quả cân 100g vào một lực kế thì kim của lực kế chỉ vạch thứ 2.

a) Nếu treo thêm quả cân 50 g vào lực kế thì kim của lực kế chỉ vạch thứ bao nhiêu?

b) Khi kim của lực kế chỉ vạch thứ 5 thì tổng khối lượng của các quả cân đã treo vào lực kế là bao nhiêu?

Bài 10. Có một lò xo được treo trên giá và một hộp các quả nặng mỗi quả khối lượng 50g. Treo một quả nặng 50g vào đầu dưới của lò xo thì lò xo dài thêm 0,5 cm.

- Để lò xo dài thêm 1,5 cm thì cần phải treo vào lò xo bao nhiêu quả nặng?
- Khi treo 4 quả nặng vào lò xo, người ta đã đo được chiều dài của nó là 12 cm. Tính chiều dài tự nhiên của lò xo.

Bài 11. Hãy giải thích các hiện tượng sau và cho biết các hiện tượng này là ma sát có lợi hay có hại.

- Khi đi trên sàn gỗ, sàn đá hoa mới lau dễ bị ngã.
- Ô tô đi vào bùn dễ sa lầy.
- Giày đi nhiều nên đế bị mòn.
- Trên mặt lốp xe ô tô tải thường có các khía rãnh sâu.
- Phải bôi nhựa thông vào dây cung ở cần kéo nhị.

Bài 12. Bảng năng lượng trung bình cần cho các hoạt động hằng ngày:

Hoạt động	Năng lượng dành cho hoạt động trong 1
Ngồi yên	6
Đi xe đạp	25
Chơi bóng đá	60
Bơi lội	73

- Tại sao trong lúc ngồi yên cơ thể vẫn cần năng lượng?
- Để chơi bóng đá trong một hiệp 45 phút, cầu thủ cần một năng lượng bao nhiêu?
- Em hãy lí giải tại sao bơi lội lại tốn nhiều năng lượng hơn đá bóng.
- Theo em, trong lúc ngủ, cơ thể chúng ta có tiêu thụ năng lượng không?

Bài 13. Vào mùa đông, khi xoa hai lòng bàn tay với nhau, sau đó áp lòng bàn tay vào má, ta thấy ấm hơn. Thảo luận với bạn để chỉ ra sự chuyển dạng năng lượng chủ yếu khi đó. Nêu tên dạng năng lượng truyền từ hai tay lên má trong động tác kể trên.

Bài 14. Hãy chỉ ra sự biến đổi từ một dạng năng lượng này sang một dạng năng lượng khác trong các trường hợp sau:

- Khi nước đổ từ thác xuống.
- Khi ném một vật lên theo phương thẳng đứng.
- Khi lên dây cót đồng hồ.

MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ PHÂN MÔN ĐỊA LÝ

A. Nội dung ôn tập

- Sông. Nước ngầm và băng hà
- Biển và đại dương. Một số đặc điểm của môi trường biển
- Các thành phần chủ yếu của thủy quyển. Tuần hoàn nước trên Trái Đất
- Lớp đất trên Trái Đất
- Sự đa dạng của thế giới sinh vật. Các đới thiên nhiên trên Trái Đất. Rừng nhiệt đới
- Dân số thế giới. Sự phân bố dân cư thế giới. Các thành phố lớn trên thế giới

- a. Quy mô
 - b. Phân bố dân số
7. Con người và thiên nhiên

B. Câu hỏi ôn tập

I. Trắc nghiệm. Chọn đáp án đúng

Câu 1: Các điều kiện tự nhiên có ảnh hưởng đến đời sống hằng ngày của con người là:

- A. Địa hình, sinh vật, nguồn vốn và khí hậu.
- B. Khí hậu, địa hình, nguồn nước và đất đai.
- C. Nguồn nước, dân số, khí hậu và địa hình.
- D. Đất đai, nguồn vốn, dân số và chính sách.

Câu 2: Thiên nhiên cung cấp những điều kiện cần thiết cho con người không gồm có

- A. ánh sáng.
- B. nguồn nước.
- C. không khí.
- D. nguồn vốn.

Câu 3: Tài nguyên nào sau đây là tài nguyên không thể phục hồi?

- A. Khoáng sản.
- B. Nguồn nước.
- C. Khí hậu.
- D. Thổ nhưỡng

Câu 4: Những khu vực nào sau đây tập trung đông dân nhất trên thế giới?

- A. Bắc Á, Bắc Phi, Đông Bắc Hoa Kỳ.
- B. Đông Âu, Đông Nam Á, Nam Mỹ.
- C. Nam Á, Bắc Á, Tây Nam Á, Tây Âu.
- D. Nam Á, Đông Á, Đông Bắc Hoa Kỳ.

Câu 5: Châu lục nào sau đây tập trung đông dân nhất thế giới?

- A. Châu Á.
- B. Châu Mỹ.
- C. Châu Âu.
- D. Châu Phi.

Câu 6: Dân cư thường tập trung đông ở khu vực nào sau đây?

- A. Miền núi, mỏ khoáng sản.
- B. Vùng đồng bằng, ven biển.
- C. Các thung lũng, hẻm vực.
- D. Các ốc đảo và cao nguyên.

Câu 7: Ở châu Phi, dân cư tập trung đông ở khu vực nào sau đây?

- A. Đông Phi.
- B. Tây Phi.
- C. Bắc Phi.
- D. Nam Phi.

Câu 8: Sự đa dạng của sinh vật được thể hiện ở sự đa dạng của

- A. số lượng loài.
- B. môi trường sống.
- C. nguồn cấp gen.
- D. thành phần loài.

Câu 9: Sinh vật trên Trái Đất tập trung chủ yếu ở

- A. đới ôn hòa và đới lạnh.
- B. xích đạo và nhiệt đới.
- C. đới nóng và đới ôn hòa.
- D. đới lạnh và đới nóng.

Câu 10: Các loài động vật nào sau đây thuộc loài động vật di cư?

- A. Gấu trắng Bắc Cực.
- B. Vượn cáo nhiệt đới.
- C. Các loài chim.
- D. Thú túi châu Đại Dương.

Câu 11: Cây trồng nào sau đây tiêu biểu ở miền khí hậu nhiệt đới ẩm?

- A. Nho, củ cải đường.
- B. Cà phê, cao su, tiêu.
- C. Thông, tùng, bách.
- D. Cà phê, cao su, tiêu.

II. Tự luận

Câu 1. Vì sao không khí có độ ẩm? Nhiệt độ có ảnh hưởng như thế nào đến khả năng chứa hơi nước và độ ẩm của không khí?

Câu 2. Trình bày được quá trình tạo thành mây, mưa? Trên Trái Đất lượng mưa phân bố như thế nào?

Câu 3. Sông là gì? Thế nào là hệ thống sông? Lưu vực sông?

Câu 4. Lưu lượng sông là gì? Thủy chế sông là gì? Nêu mối quan hệ giữa nguồn cung cấp nước và thủy chế của sông?

Câu 5. Hồ là gì? Có những loại hồ nào?

Câu 6. Cho biết độ muối của nước biển và đại dương? Vì sao độ muối của các biển và đại dương lại khác nhau?

III. Bài tập

Bài 1: Tính lượng mưa trong năm

Cho bảng số liệu về lượng mưa(mm) ở Thành phố Hồ Chí Minh:

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	18	14	16	35	110	160	150	145	158	140	55	25

- Tính tổng lượng mưa trong năm

- Tính tổng lượng mưa trong các tháng mùa mưa (tháng 5- tháng 10)

- Tính tổng lượng mưa trong các tháng mùa khô (tháng 11- tháng 4)

Bài 2. Tính nhiệt độ TB ngày

Ở Điện Biên người ta đo nhiệt độ lúc 1 giờ được 20°C , lúc 7 giờ được 24°C , lúc 13 giờ được 36°C , lúc 19 giờ được 28°C . Tính nhiệt độ trung bình của ngày hôm đó?

PHÂN MÔN LỊCH SỬ

Câu 1: Trình bày nguyên nhân bùng nổ các cuộc khởi nghĩa của dân ta dưới thời Bắc thuộc?

Câu 2: Lập bảng niên biểu các cuộc khởi nghĩa thời Bắc thuộc.

Câu 3: Trình bày diễn biến cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng.

Câu 4: Trình bày cuộc khởi nghĩa Lí Bí.

Câu 5: Hãy nêu những nét chính trận Bạch Đằng năm 938. Theo em trong cách đánh giặc của Ngô Quyền có những điểm độc đáo nào?

Câu 6: Nêu ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng năm 938.

MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

Câu 1. Em đồng ý với ý kiến nào sau đây?

- A. Tiết kiệm thể hiện đạo đức của con người.
- B. Tiết kiệm làm cho con người trở nên bủn xỉn.
- C. Chỉ cần tiết kiệm tài sản của mình còn của công thì dùng thoải mái.
- D. Những hộ gia đình có thu nhập cao thì không cần phải tiết kiệm.

Câu 2. Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là người có quốc tịch?

- A. Nhiều nước.
- B. Nước ngoài.
- C. Quốc tế.
- D. Việt Nam.

Câu 3. Quốc tịch là?

- A. Căn cứ xác định công dân của một nước.
- B. Căn cứ xác định công dân của nhiều nước.

C. Căn cứ xác định công dân của nước ngoài.

D. Căn cứ để xác định công dân đóng thuế.

Câu 4. Người nào dưới đây không phải là công dân nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

A. Trẻ em có cha mẹ là công dân của Việt Nam.

B. Người nước ngoài đã nhập quốc tịch Việt Nam.

C. Người nước ngoài sống và làm việc trên lãnh thổ Việt Nam.

D. Trẻ em sinh ra ở Việt Nam, có mẹ là người Việt Nam, cha không rõ là ai.

Câu 5. Quyền nào dưới đây không thuộc nhóm quyền chính trị cơ bản của công dân Việt Nam?

A. Quyền bầu cử, ứng cử vào các cơ quan nhà nước.

B. Quyền tham gia quản lí nhà nước.

C. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể.

D. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

Câu 6. Người nào dưới đây được hưởng các quyền và phải thực hiện nghĩa vụ công dân theo quy định của pháp luật Việt Nam?

A. Người có quốc tịch Việt Nam.

B. Người đang sống tại Việt Nam.

C. Người đã thôi quốc tịch Việt Nam, sinh sống ở nước ngoài.

D. Người nước ngoài đang sống và làm việc tại Việt Nam.

Câu 7. Việc làm nào dưới đây thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân?

A. Tố cáo với cơ quan có thẩm quyền về hành vi đánh đập, hành hạ trẻ em.

B. Thành lập công ty kinh doanh nhưng không đóng thuế theo quy định của pháp luật.

C. Luôn đòi bố mẹ chiều theo ý muốn của bản thân.

D. Ngăn cấm con tham gia các hoạt động tập thể của trường, lớp.

Câu 8. Tại buổi sinh hoạt lớp, em đứng lên phát biểu quan điểm của mình về việc tổ chức cắm trại nhân dịp kỉ niệm 26/3. Trong tình huống này em đã sử dụng nhóm quyền nào?

A. Nhóm quyền phát triển.

B. Nhóm quyền sống còn.

C. Nhóm quyền bảo vệ.

D. Nhóm quyền tham gia.

Câu 9. Quyền cơ bản của trẻ em bao gồm các nhóm quyền nào?

A. Nhóm quyền: sống còn, bảo vệ, phát triển và tham gia.

B. Nhóm quyền: sống còn, học tập, phát triển và vui chơi.

C. Nhóm quyền: sống còn, bảo vệ, vui chơi và phát triển.

D. Nhóm quyền: sống còn, vui chơi, giải trí và phát triển.

Câu 10. Việc làm nào dưới đây thực hiện đúng quyền trẻ em?

A. Cha mẹ li hôn, không ai chăm sóc con cái.

B. Bảo vệ trẻ em khỏi hành vi xâm hại.

C. Bắt trẻ em nghỉ học để làm việc kiếm tiền.

D. Nghiêm cấm trẻ em phát biểu trong cuộc họp.

Câu 11. Em tán thành với ý kiến nào dưới đây?

A. Cho con đi học hay không là quyền của cha mẹ.

B. Cha mẹ có quyền ưu tiên chiều chuộng con trai hơn con gái.

C. Trẻ em có quyền được học tập, vui chơi giải trí, không cần làm gì.

D. Lôi kéo trẻ em vào con đường nghiện hút là sai trái.

Câu 12. Việc làm nào sau đây vi phạm về quyền trẻ em?

A. Tiêm phòng vacxin cho trẻ.

B. Tổ chức trại hè cho trẻ em.

C. Chăm sóc trẻ em mồ côi và bị bỏ rơi.

D. Bắt trẻ em làm việc nặng quá sức.

PHẦN II. TỰ LUẬN

Câu 1.

Anh Long là chủ cửa hàng đồ gỗ mỹ nghệ, có thu nhập khá cao nhưng kiếm được bao nhiêu anh đều tiêu hết. Gần đây, do dịch bệnh Covid 19 công việc kinh doanh của anh không thuận lợi, anh lại lâm bệnh phải nằm viện. Cuộc sống của anh trở nên vô cùng khó khăn vì không đủ tiền để thanh toán viện phí và trang trải các khoản chi tiêu cần thiết.

a. Em có nhận xét gì về cách chi tiêu của anh Long? Cách chi tiêu đó đã dẫn đến hậu quả gì?

b. Em hãy chia sẻ những việc làm của em để thực hành tiết kiệm trong học tập, cuộc sống?

Câu 2.

Theo em các bạn Lan, Quân trong các trường hợp dưới đây có phải là công dân Việt Nam không? Vì sao?

a. Lan được sinh ra và lớn lên ở Hà Nội, bố của em là người Đức, mẹ mang quốc tịch Việt Nam. Bố mẹ Lan quyết định sinh sống tại Việt Nam và đăng kí khai sinh cho Lan ở Việt Nam.

b. Quân là con lai, em có màu tóc, màu mắt của người Châu Âu. Ai cũng bảo em giống người Pháp nhưng từ khi sinh ra em lại không biết bố mẹ mình là ai. Em đang được nuôi dạy tại trại trẻ mồ côi ở Sài Gòn.

Câu 3. Hải là con nuôi của gia đình ông Quyền. Dù đã 8 tuổi nhưng Hải chưa biết chữ vì

không được đi học. Hàng ngày Hải phải dậy từ 4 giờ sáng để chế củi, nhóm bếp, dọn hàng để vợ ông Quyền bán quán. Hôm qua vì sơ ý, Hải làm đổ bát bún của khách, thế là cậu bị bà vợ ông Quyền bắt nhin đói cả ngày. Buồn quá, Hải tâm sự với An (người bạn hàng xóm). Không ngờ bị ông Quyền bắt gặp, ông lôi cậu về nhà nhốt lại và đe dọa.

a. Theo em, việc làm của vợ chồng ông Quyền đã vi phạm những quyền cơ bản nào của trẻ em?

b. Hải cần làm gì để bảo vệ các quyền cơ bản của mình?

MÔN CÔNG NGHỆ

Câu 1. Chỉ ra ý sai về vai trò của trang phục?

- A. Giúp chúng ta biết chính xác tuổi của người mặc
- B. Giúp chúng ta đoán biết được nghề nghiệp của người mặc
- C. Bảo vệ cơ thể và làm đẹp cho con người
- D. Giúp chúng ta biết người mặc đến từ quốc gia nào

Câu 2. Loại trang phục mà các bác sĩ mặc khi làm việc có tên gọi là gì?

- A. Áo bà ba.
- B. Áo choàng
- C. Áo blouse
- D. Áo khoác

Câu 3. Đặc điểm nào của trang phục sau đây tạo cảm giác gầy đi, cao lên?

- A. Vải mềm mỏng, mịn
- B. Kiểu thụng, có đường nét chính ngang thân áo, tay bông có bèo
- C. Màu sáng
- D. Kẻ ngang, kẻ ô vuông, hoa to

Câu 4: Khi đi học thể dục em sẽ lựa chọn trang phục như thế nào?

- A. Vải sợi bông, may sát người, giày cao gót
- B. Vải sợi tổng hợp, may rộng, giày da đắt tiền
- C. Vải sợi bông, may rộng, dép lê
- D. Vải sợi bông, may rộng, giày ba ta

Câu 5: Loại vải và kiểu may quần áo đi lao động phù hợp là?

- A. Vải sợi tổng hợp, màu sẫm, kiểu may cầu kì
- B. Vải sợi bông, màu sẫm, kiểu may đơn giản, rộng
- C. Vải sợi bông, màu sáng, kiểu may sát người
- D. Vải sợi tổng hợp, màu sáng, kiểu may cầu kì

Câu 6: Vải may quần áo cho trẻ sơ sinh, tuổi mẫu giáo nên chọn:

- A. Vải sợi bông, màu sẫm, hoa nhỏ
- B. Vải dệt kim, màu sẫm, hoa to
- C. Vải sợi pha, màu sáng, hoa văn sinh động
- D. Vải sợi bông, màu sáng, hoa văn sinh động

Câu 7: Bảo quản trang phục gồm những công việc nào sau đây?

- A. Làm khô, làm phẳng, cất giữ
- B. Làm sạch, làm khô, cất giữ
- C. Làm sạch, làm khô, làm phẳng, cất giữ
- D. Làm sạch, làm khô, làm phẳng

Câu 8: Nhược điểm của phương pháp phơi khô quần áo là:

- A. Phụ thuộc vào thời tiết
- B. Tiêu hao điện năng
- C. Quần áo lâu khô
- D. Đáp án A và C

Câu 9: Cách phối hợp màu sắc giữa phần áo và phần quần nào sau đây là hợp lý:

- A. Sự kết hợp các sắc độ khác nhau trong cùng một màu.
- B. Sự kết hợp hai màu cạnh nhau trên vòng màu.
- C. Màu trắng, màu đen có thể kết hợp với bất kì các màu khác.
- D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 10: Sử dụng các loại bột giặt, nước giặt có hóa chất mạnh sẽ gây ảnh hưởng gì?

- A. Gây dị ứng da, ung thư da cho người mặc quần áo
- B. Gây ô nhiễm môi trường
- C. Gây khó thở
- D. Tất cả đáp án trên

Câu 11: Một thời trang là

- A. Phong cách ăn mặc của mỗi người
- B. Hiểu và cảm thụ cái đẹp
- C. Sự thay đổi các kiểu quần áo, cách mặc được số đông ưa chuộng trong mỗi thời kì
- D. Là những kiểu trang phục được sử dụng phổ biến trong xã hội vào một khoảng thời gian nhất định

Câu 12: Điền từ vào chỗ “...” : “Phong cách thể thao là cách mặc trang phục có thiết kế (1)..., đường nét tạo cảm giác mạnh mẽ và khỏe khoắn; thoải mái khi (2)...”

- A. (1) phức tạp; (2) vận động
- B. (1) đơn giản; (2) vận động
- C. (1) cầu kì; (2) chạy nhảy
- D. (1) đơn giản; (2) chạy nhảy

Câu 13: “Khai thác yếu tố văn hóa, truyền thống trong dân gian, dân tộc” là đặc điểm của phong cách thời trang nào?

- A. Thể thao
- B. Dân gian
- C. Cổ điển
- D. Lãng mạn

Câu 14: Trong quá trình sử dụng, mặt bếp hồng ngoại có màu gì?

- A. Màu vàng
- B. Màu đỏ
- C. Màu cam
- D. Màu tím

Câu 15: Đèn điện có công dụng gì:

- A. Chiếu sáng
- B. Sưởi ấm
- C. Trang trí
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 16: Bộ phận nào của nồi cơm điện có thể được phủ một lớp chống dính?

- A. Nồi nấu
- B. Nắp nồi
- C. Thân nồi
- D. Bộ phận điều khiển

Câu 17: Em hãy cho biết, bộ phận nào của bếp hồng ngoại có chức năng cung cấp nhiệt cho bếp?

- A. Mặt bếp
- B. Bảng điều khiển
- C. Thân bếp
- D. Mâm nhiệt hồng ngoại

Câu 18: Nội dung nào sau đây không đúng khi nói về bóng đèn compact?

- A. Là bóng đèn huỳnh quang có công suất nhỏ
- B. Có nguyên lí làm việc giống bóng đèn huỳnh quang
- C. Có khả năng phát ra ánh sáng cao, tuổi thọ thấp
- D. Ánh sáng an toàn với mắt người sử dụng

Câu 19: Bộ phận nào của đèn LED giúp phân bố đều ánh sáng?

- A. Vỏ bóng
- B. Bảng mạch LED
- C. Đuôi đèn
- D. Tất cả đều đúng

Câu 20: Nguyên lí làm việc của bếp hồng ngoại là

- A. Cấp điện cho bếp → Mâm nhiệt hồng ngoại nóng lên → Truyền nhiệt tới nồi nấu → Làm chín thức ăn
- B. Cấp điện cho bếp → Truyền nhiệt tới nồi nấu → Mâm nhiệt hồng ngoại nóng lên → Làm chín thức ăn
- C. Truyền nhiệt tới nồi nấu → Cấp điện cho bếp → Mâm nhiệt hồng ngoại nóng lên → Làm chín thức ăn
- D. Truyền nhiệt tới nồi nấu → Mâm nhiệt hồng ngoại nóng lên → Cấp điện cho bếp → Làm chín thức ăn

Câu 21: Điện năng biến đổi thành quang năng ở bộ phận nào của đèn sợi đốt?

- A. Sợi đốt
- B. Đuôi đèn
- C. Bóng thủy tinh
- D. Đáp án khác

Câu 22: Gia đình bạn Mai có ba người: bố, mẹ và Mai. Em hãy giúp bạn Mai lựa chọn một chiếc nồi cơm điện phù hợp nhất với gia đình bạn trong các loại nồi có các thông số dưới đây.

- A. Dung tích 1l có nhãn dán 3 sao
- B. Dung tích 1l có nhãn dán 1,5 sao
- C. Dung tích 2l có nhãn dán 3 sao
- D. Dung tích 1,8 l có nhãn dán 4 sao

Câu 23: Vì sao không được chạm tay lên bề mặt bếp khi đang nấu hoặc vừa bếp xong?

- A. Mặt bếp lúc này rất nóng, chạm tay vào sẽ gây bỏng
- B. Dễ bị giật điện
- C. Làm gián đoạn quá trình đun nấu
- D. Tất cả đáp án trên

Câu 24: Một bóng đèn LED có thông số kĩ thuật như sau: 110V – 5W. Hỏi bóng đèn đó có công suất định mức là bao nhiêu?

- A. 110 W
- B. 5 W
- C. 110 W hoặc 5 W
- D. 100W và 5 W

Câu 25: Ý nghĩa của biểu tượng sau trên bóng đèn:



- A. Kết nối wifi
B. Tuổi thọ cao
C. Thân thiện với môi trường
D. Bảo vệ thị lực

Câu 26: Nồi cơm điện có thông số kỹ thuật như sau: 220 V – 400 W – 0,75 lít. Hãy cho biết 220V là thông số gì?

- A. Dung tích định mức
B. Điện áp định mức
C. Công suất định mức
D. Cả 3 đáp án trên

Câu 27: Khi mua sắm đồ dùng điện cần quan tâm đến tiêu chí nào sau đây:

- A. Sử dụng năng lượng mặt trời
B. Sử dụng năng lượng gió
C. Không sử dụng năng lượng mặt trời và năng lượng gió
D. Sử dụng năng lượng mặt trời hoặc năng lượng gió

Câu 28: Tại sao phải xử lý đúng cách đối với các đồ dùng điện khi không sử dụng nữa?

- A. Tránh tác hại ảnh hưởng đến môi trường.
B. Tránh ảnh hưởng đến sức khỏe con người.
C. Tránh ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe con người.
D. Không cần thiết.

PHẦN II. TỰ LUẬN

Câu 1. Hãy đề xuất một số biện pháp cụ thể để việc sử dụng điện trong gia đình được an toàn và tiết kiệm?

Câu 2. Nêu cách lựa chọn trang phục phù hợp với vóc dáng cho người béo, thấp hoặc cao, gầy?

Câu 3. Một thiết bị điện có dán nhãn mác như sau:



ĐIỆN ÁP	:	220 V
TẦN SỐ	:	50 Hz
CƯỜNG ĐỘ DÒNG ĐIỆN	:	1.5 A
CÔNG SUẤT TỦ LẠNH	:	90 W
CÔNG SUẤT XÁ ĐÁ	:	157 W
CÔNG SUẤT BỘ PHẬN XÁ ĐÁ	:	157 W
LỚP KHÍ HẬU	:	T
DUNG TÍCH	:	326 L
TRỌNG LƯỢNG	:	56 kg
CHẤT LẠM LẠNH	:	HFC-134a
LƯỢNG NẠP	:	130 g
CHẤT TẠO KHÍ	:	Cyclo-Pentane
MÃ MAU	:	PSVN
NGÀY SẢN XUẤT		
SỐ SERIAL		

Đây là thông số của loại thiết bị nào? Em hãy chỉ ra thông số các đại lượng định mức chung của thiết bị điện này. Nhãn năng lượng của đồ dùng điện này đạt mức nào?

Câu 4. Mùa hè, trời nắng to. Trước khi đi làm, mẹ nhờ Hà phơi quần áo mẹ vừa giặt xong giúp mẹ. Hà nhặt từng trang phục ra phơi luôn, không giữ phẳng và cũng không lộn như vậy đúng hay chưa đúng? Các trang phục của nhà Hà sẽ như thế nào sau khi phơi?

Câu 5. Hôm trước đi đá bóng về, quần áo của Bình bị lấm lem ướt đẫm mồ hôi. Sau khi thay ra, Bình cho luôn bộ quần áo đó vào trong máy giặt để giặt cùng quần áo của cả nhà. Mẹ biết vậy bảo Bình lần sau không được làm như thế. Em hãy giải thích cho Bình biết lần sau Bình nên làm thế nào cho đúng?

MÔN TIN HỌC

I. LÝ THUYẾT

Bài 13: Tìm kiếm và thay thế;

Bài 15: Thuật toán

Bài 16: Các cấu trúc điều khiển

Bài 17: Chương trình máy tính

II. BÀI TẬP

A. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Lệnh Find được sử dụng khi nào?

- A. Khi muốn định dạng chữ in nghiêng cho một đoạn văn bản.
- B. Khi muốn tìm kiếm một từ hoặc cụm từ trong văn bản.
- C. Khi muốn thay thế một từ hoặc cụm từ trong văn bản.
- D. Khi cần thay đổi phong chữ của văn bản.

Câu 2. Khi sử dụng hộp thoại “Find and Replace”, nếu tìm được một từ mà chúng ta không muốn thay thế, chúng ta có thể bỏ qua từ đó bằng cách chọn lệnh nào?

- A. Replace All.
- B. Replace
- C. Find Next.
- D. Cancel.

Câu 3: Điền từ hoặc cụm từ thích hợp

“Công cụ Tìm kiếm và ...(1)... giúp chúng ta tìm kiếm hoặc thay thế các từ hoặc cụm từ theo yêu cầu một cách nhanh chóng và chính xác.”

- A. Thay thế.
- B. Tìm kiếm.
- C. Xóa.
- D. Định dạng.

Câu 4. Bạn An đang viết về đặc sản cốm Làng Vòng để giới thiệu Âm thực Hà Nội cho các bạn ở Tuyên Quang. Tuy nhiên, bạn muốn sửa lại văn bản, thay thế tất cả các từ “món ngon” bằng từ “đặc sản”. Bạn sẽ sử dụng lệnh nào trong hộp thoại “Find and Replace”?

- A. Replace.
- B. Find Next.
- C. Replace All.
- D. Cancel.

Câu 5. Phát biểu nào sai?

- A. Để thay thế lần lượt từng từ hoặc cụm từ được tìm kiếm em sử dụng nút “Replace”.
- B. Công cụ “Find” giúp tìm thấy tất cả các từ cần tìm trong văn bản.
- C. Nên cẩn trọng trong khi sử dụng lệnh “Replace All” vì việc thay thế tất cả các từ có thể làm nội dung văn bản không chính xác.
- D. Để thực hiện chức năng tìm kiếm văn bản, em chọn lệnh Find trong thẻ View.

Câu 6. Sau khi sử dụng lệnh Find trong bảng chọn Edit để tìm được một từ, muốn tìm cụm tiếp theo, em thực hiện ngay thao tác nào dưới đây?

- A. Nhấn phím Delete.
- B. Nhấn nút Next.
- C. Nháy nút Find Next.
- D. Nhấn nút Insert

Câu 7. Điền từ hoặc cụm từ thích hợp:

“Để một từ hoặc cụm từ trong văn bản, em chọn lệnh Find.”

- A. Tìm kiếm.
- B. Thay thế.
- C. Tìm kiếm và thay thế.
- D. Tất cả đều đúng.

Câu 8. Hãy sắp xếp các bước thực hiện việc tìm kiếm một từ hoặc cụm từ trong văn bản.

- a) Gõ từ hoặc cụm từ cần tìm kiếm rồi nhấn phím Enter.
- b) Trong nhóm lệnh Editing chọn Find.
- c) Nháy chuột chọn thẻ Home.

A. a-b-c

B. b-c-a

C. c-b-a

D. c-a-b

Câu 9. Sơ đồ khối là gì?

A. Một sơ đồ gồm các hình khối, đường có mũi tên chỉ hướng thực hiện theo từng bước của thuật toán.

- B Một ngôn ngữ lập trình.
- C. Cách mô tả thuật toán bằng ngôn ngữ tự nhiên.
- D. Một biểu đồ hình cột.

Câu 10. Lợi thế của việc sử dụng sơ đồ khối so với sử dụng ngôn ngữ tự nhiên để mô tả thuật toán là gì?

- A. Sơ đồ khối tuân theo một tiêu chuẩn quốc tế nên con người dù ở bất kể quốc gia nào cũng có thể hiểu.
- B. Sơ đồ khối dễ vẽ.
- C. Sơ đồ khối dễ thay đổi.
- D. Vẽ sơ đồ khối không tốn thời gian.

Câu 11. Mục đích của sơ đồ khối là gì?

- A. Để mô tả chi tiết một chương trình.
- B. Để mô tả các chỉ dẫn cho máy tính “hiểu” về thuật toán.
- C. Để mô tả các chỉ dẫn cho con người hiểu về thuật toán.
- D. Để chỉ dẫn cho máy tính thực hiện thuật toán.

Câu 12. Bạn Tuấn nghĩ về những công việc sẽ thực hiện sau khi thức dậy vào buổi sáng. Bạn ấy viết một thuật toán bằng cách ghi ra từng bước, từng bước một. Bước đầu tiên bạn ấy viết ra là: “Thức dậy”. Em hãy cho biết bước tiếp theo là gì?

- A. Đánh răng.
- B. Thay quần áo.
- C. Đi tắm.
- D. Ra khỏi giường.

Câu 13. Thuật toán là gì?

- A. Các mô hình và xu hướng được sử dụng để giải quyết vấn đề.
- B. Một dãy các chỉ dẫn từng bước để giải quyết vấn đề.
- C. Một ngôn ngữ lập trình.
- D. Một thiết bị phần cứng lưu trữ dữ liệu.

Câu 14. Thuật toán có thể được mô tả theo hai cách nào?

- A. Sử dụng các biến và dữ liệu.
- B. Sử dụng đầu vào và đầu ra.
- C. Sử dụng ngôn ngữ tự nhiên và sơ đồ khối.
- D. Sử dụng phần mềm và phần cứng.

Câu 15. Trong các ví dụ sau, ví dụ nào là thuật toán?

- A. Một bản nhạc hay.
- B. Một bức tranh đầy màu sắc.
- C. Một bản hướng dẫn về cách nướng bánh với các bước cần làm.

D. Một bài thơ lục bát.

Câu 16. Phát biểu nào sau đây là **đúng** ?

- A. Mỗi bài toán chỉ có duy nhất một thuật toán để giải.
- B. Trình tự thực hiện các bước trong thuật toán không quan trọng.
- C. Trong thuật toán, với dữ liệu đầu vào luôn xác định được kết quả đầu ra.
- D. Một thuật toán có thể không có đầu vào và đầu ra.

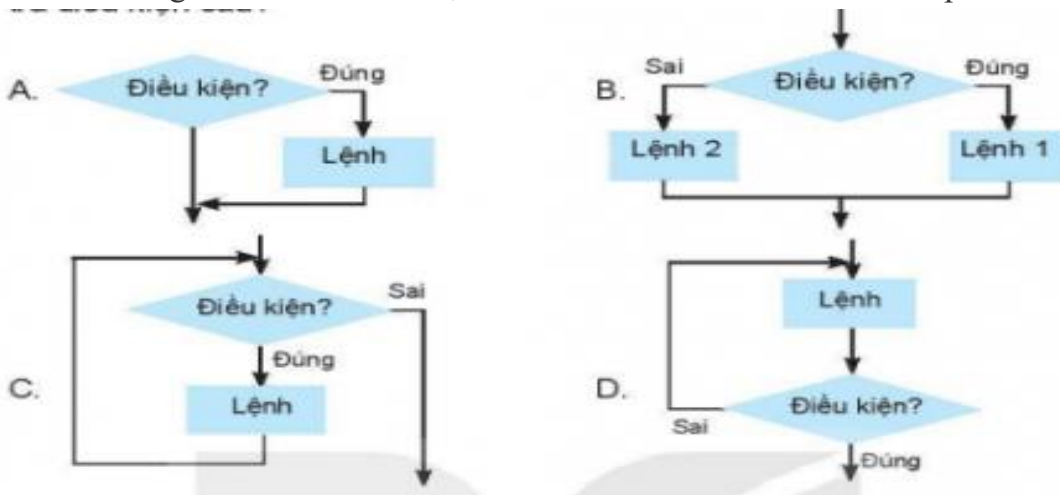
Câu 17. Ba cấu trúc điều khiển cơ bản để mô tả thuật toán là gì?

- A. Tuần tự, rẽ nhánh và lặp.
- B. Tuần tự, rẽ nhánh và gán.
- C. Rẽ nhánh, lặp và gán.
- D. Tuần tự, lặp và gán.

Câu 18. Cấu trúc tuần tự là gì?

- A. Là cấu trúc xác định thứ tự dữ liệu được lưu trữ.
- B. Là cấu trúc xác định thứ tự các bước được thực hiện.
- C. Là cấu trúc lựa chọn bước thực hiện tiếp theo.
- D. Là cấu trúc xác định số lần lặp lại một số bước của thuật toán.

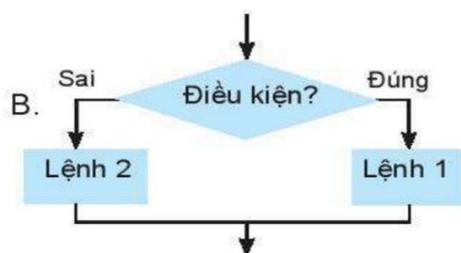
Câu 19. Trong các sơ đồ khối sau, sơ đồ khối nào thể hiện cấu trúc lặp kiểm tra điều kiện sau?



Câu 20. Cấu trúc rẽ nhánh có mấy loại?

- A. 1.
- B. 2.
- C. 3.
- D. 4.

Câu 21.



Sơ đồ trên thể hiện cấu trúc:

- A. Cấu trúc lặp.
- B. cấu trúc rẽ nhánh dạng thiếu.
- C. Cấu trúc rẽ nhánh dạng đủ.
- D. Cấu trúc tuần tự.

Câu 22. Câu lệnh được mô tả như sau: “ Nếu *Điều kiện* đúng thực hiện *Lệnh*, nếu sai thì dừng” là câu lệnh gì?

- A. Cấu trúc lặp.
- B. cấu trúc rẽ nhánh dạng thiếu.
- C. Cấu trúc rẽ nhánh dạng đủ.
- D. Cấu trúc tuần tự.

Câu 23. Đoạn văn sau mô tả công việc rửa rau: ' Em hãy cho rau vào chậu và xả nước ngập rau. Sau đó em dùng tay đảo rau trong chậu. Cuối cùng em vớt rau ra rổ và đổ hết nước trong chậu đi.'

Đoạn văn bản trên thể hiện cấu trúc điều khiển nào?

- A. Cấu trúc tuần tự.
- B. cấu trúc rẽ nhánh dạng thiếu.

C. Cấu trúc lặp.

D. Cấu trúc rẽ nhánh dạng đủ.

Câu 24. Câu “ Nếu Tết năm nay Covid được kiểm soát em sẽ đi chúc tết bà con, họ hàng, nếu không em sẽ ở nhà.” thể hiện cấu trúc điều khiển nào?

A. Cấu trúc rẽ nhánh dạng đủ.

B. Cấu trúc rẽ nhánh dạng thiếu.

C. Cấu trúc lặp.

D. Cấu trúc tuần tự.

Câu 25. Trong cấu trúc lặp bao giờ cũng có:

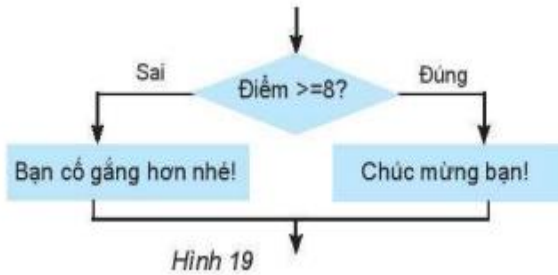
A. Khâu kiểm tra điều kiện rẽ nhánh

B. Khâu kết thúc tuần tự

C. Khâu kiểm tra điều kiện kết thúc quá trình lặp

D. Khâu đặt điều kiện rẽ nhánh

Câu 26. Cho sơ đồ khối sau:



Hình 19

Bạn An được 8 điểm. Theo em, bạn nhận được thông báo gì?

A. Không nhận được thông báo.

B. “Bạn cố gắng hơn nhé!”.

C. “Chúc mừng bạn!”.

D. “Chúc mừng bạn! Bạn cố gắng hơn nhé!”.

Câu 27. Câu: “Nếu bạn Hoa ốm phải nghỉ học, em sẽ chép bài giúp bạn” thể hiện cấu trúc điều khiển nào?

A. Cấu trúc rẽ nhánh dạng đủ.

B. cấu trúc rẽ nhánh dạng thiếu.

C. Cấu trúc lặp.

D. Cấu trúc tuần tự.

Câu 28. Bạn Hải đã viết một chương trình điều khiển chú mèo di chuyển liên tục trên sân khấu cho đến khi chạm phải chú chó. Bạn Hải nên dùng loại cấu trúc điều khiển nào để thực hiện yêu cầu di chuyển liên tục của chú mèo?

A. Cấu trúc rẽ nhánh dạng đủ.

B. Cấu trúc rẽ nhánh dạng thiếu.

C. Cấu trúc lặp.

D. Cấu trúc tuần tự.

Câu 29. Phát biểu nào sau đây là sai?

A. Cấu trúc lặp có số lần lặp luôn được xác định trước.

B. Cấu trúc lặp bao giờ cũng có điều kiện để vòng lặp kết thúc.

C. Cấu trúc lặp có hai loại là lặp với số lần biết trước và lặp với số lần không biết trước.

D. Cấu trúc lặp có loại kiểm tra điều kiện trước và loại kiểm tra điều kiện sau.

Câu 30. Chương trình máy tính là:

A. một tập hợp các lệnh viết bằng ngôn ngữ lập trình, thể hiện theo các bước của thuật toán để máy tính "hiểu" và thực hiện

B. một bản hướng dẫn con người sử dụng biết thực hiện công việc nào đó.

C. hình vẽ sơ đồ khối thuật toán để cho máy tính biết cách giải quyết một công việc.

D. chương trình trên ti vi về máy tính.

Câu 31. Để viết chương trình cho máy tính, người lập trình sử dụng loại ngôn ngữ nào?

A. Ngôn ngữ chỉ gồm hai kí hiệu 0 và 1

B. Ngôn ngữ lập trình

C. Ngôn ngữ tự nhiên

D. Ngôn ngữ chuyên ngành

Câu 32: Chương trình máy tính được tạo ra gồm những bước nào?

A. Viết chương trình bằng ngôn ngữ lập trình.

B. Dịch chương trình thành ngôn ngữ máy.

C. Viết chương trình bằng ngôn ngữ máy rồi dịch chương trình thành ngôn ngữ máy.

D. Viết chương trình trên giấy rồi gõ vào máy tính.

Câu 33. Trong các tên sau đây, đâu là tên của một ngôn ngữ lập trình?

- A. Scratch
C. Word
- B. Window Explorer
D. PowerPoint

Câu 34. Lệnh trong hình là lệnh lặp thực hiện cho nhân vật, nhân vật sẽ dừng lại khi nào?



Hình 22

- A. Nhân vật không dừng lại
B. Nhân vật dừng lại khi tọa độ x lớn hơn 200
C. Nhân vật dừng lại khi tọa độ x nhỏ hơn 200
D. Nhân vật dừng lại khi tọa độ x bằng 200

Câu 35: Con người chỉ dẫn cho máy tính thực hiện công việc như thế nào?

- A. Thông qua một từ khóa.
C. Thông qua các lệnh.
- B. Thông qua các tên.
D. Thông qua một lệnh.

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Sơ đồ khối của thuật toán là gì? Trình bày các quy ước khi vẽ sơ đồ khối thuật toán?

Câu 2. Cho biết đầu vào, đầu ra của các thuật toán sau đây:

- a) Thuật toán nhân đôi số a.
b) Thuật toán tìm một cuốn sách có trên giá sách hay không.

Câu 3. Nhân ngày tết Trung thu, Trung tâm Chiếu phim Quốc gia giảm giá vé cho người xem dưới 15 tuổi.

- a) Hãy mô tả thuật toán thực hiện việc kiểm tra một người xem có được giảm giá vé hay không theo cách liệt kê các bước bằng ngôn ngữ tự nhiên và xác định đầu vào, đầu ra của thuật toán.
b) Hãy mô tả thuật toán ở câu a bằng sơ đồ khối.

Chúc các em ôn tập và kiểm tra đạt kết quả tốt nhất!